



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Đắk Lắk

Số 21+22

Ngày 07 tháng 02 năm 2023

MỤC LỤC

Trích yếu nội dung

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

16-01-2023 Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ban hành các bộ đơn
giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. 2

(Đăng từ Công báo số 17+18 đến số 47+48)

AE.60000 XÂY GẠCH ỐNG**AE.61000 XÂY TƯỜNG GẠCH ỐNG (10 x 10 x 20)**Đơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thẳng gạch ống 10x10x20				
	Chiều dày ≤ 10cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.61111	- Vữa XM mác 25	m ³	559.995	392.457	5.995
AE.61112	- Vữa XM mác 50	m ³	578.261	392.457	5.995
AE.61113	- Vữa XM mác 75	m ³	594.254	392.457	5.995
AE.61114	- Vữa XM mác 100	m ³	610.907	392.457	5.995
AE.61115	- Vữa XM mác 125	m ³	626.232	392.457	5.995
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.61121	- Vữa XM mác 25	m ³	559.995	433.499	51.958
AE.61122	- Vữa XM mác 50	m ³	578.261	433.499	51.958
AE.61123	- Vữa XM mác 75	m ³	594.254	433.499	51.958
AE.61124	- Vữa XM mác 100	m ³	610.907	433.499	51.958
AE.61125	- Vữa XM mác 125	m ³	626.232	433.499	51.958
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.61131	- Vữa XM mác 25	m ³	559.995	474.540	101.752
AE.61132	- Vữa XM mác 50	m ³	578.261	474.540	101.752
AE.61133	- Vữa XM mác 75	m ³	594.254	474.540	101.752
AE.61134	- Vữa XM mác 100	m ³	610.907	474.540	101.752
AE.61135	- Vữa XM mác 125	m ³	626.232	474.540	101.752
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.61141	- Vữa XM mác 25	m ³	559.995	497.626	154.433
AE.61142	- Vữa XM mác 50	m ³	578.261	497.626	154.433
AE.61143	- Vữa XM mác 75	m ³	594.254	497.626	154.433
AE.61144	- Vữa XM mác 100	m ³	610.907	497.626	154.433
AE.61145	- Vữa XM mác 125	m ³	626.232	497.626	154.433

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Chiều dày $\leq 30\text{cm}$				
	Chiều cao $\leq 6\text{m}$				
AE.61211	- Vữa XM mác 25	m ³	557.195	353.981	6.566
AE.61212	- Vữa XM mác 50	m ³	577.288	353.981	6.566
AE.61213	- Vữa XM mác 75	m ³	594.880	353.981	6.566
AE.61214	- Vữa XM mác 100	m ³	613.197	353.981	6.566
AE.61215	- Vữa XM mác 125	m ³	630.056	353.981	6.566
	Chiều cao $\leq 28\text{m}$				
AE.61221	- Vữa XM mác 25	m ³	557.195	364.241	52.529
AE.61222	- Vữa XM mác 50	m ³	577.288	364.241	52.529
AE.61223	- Vữa XM mác 75	m ³	594.880	364.241	52.529
AE.61224	- Vữa XM mác 100	m ³	613.197	364.241	52.529
AE.61225	- Vữa XM mác 125	m ³	630.056	364.241	52.529
	Chiều cao $\leq 100\text{m}$				
AE.61231	- Vữa XM mác 25	m ³	557.195	400.152	102.323
AE.61232	- Vữa XM mác 50	m ³	577.288	400.152	102.323
AE.61233	- Vữa XM mác 75	m ³	594.880	400.152	102.323
AE.61234	- Vữa XM mác 100	m ³	613.197	400.152	102.323
AE.61235	- Vữa XM mác 125	m ³	630.056	400.152	102.323
	Chiều cao $\leq 200\text{m}$				
AE.61241	- Vữa XM mác 25	m ³	557.195	418.108	155.004
AE.61242	- Vữa XM mác 50	m ³	577.288	418.108	155.004
AE.61243	- Vữa XM mác 75	m ³	594.880	418.108	155.004
AE.61244	- Vữa XM mác 100	m ³	613.197	418.108	155.004
AE.61245	- Vữa XM mác 125	m ³	630.056	418.108	155.004
	Chiều dày $> 30\text{cm}$, cao $\leq 6\text{m}$				
	Chiều cao $\leq 6\text{m}$				
AE.61311	- Vữa XM mác 25	m ³	551.314	289.854	7.137
AE.61312	- Vữa XM mác 50	m ³	572.503	289.854	7.137
AE.61313	- Vữa XM mác 75	m ³	591.054	289.854	7.137
AE.61314	- Vữa XM mác 100	m ³	610.371	289.854	7.137
AE.61315	- Vữa XM mác 125	m ³	628.150	289.854	7.137

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Chiều cao $\leq 28\text{m}$				
AE.61321	- Vữa XM mác 25	m ³	551.314	320.635	53.100
AE.61322	- Vữa XM mác 50	m ³	572.503	320.635	53.100
AE.61323	- Vữa XM mác 75	m ³	591.054	320.635	53.100
AE.61324	- Vữa XM mác 100	m ³	610.371	320.635	53.100
AE.61325	- Vữa XM mác 125	m ³	628.150	320.635	53.100
	Chiều cao $\leq 100\text{m}$				
AE.61331	- Vữa XM mác 25	m ³	551.314	351.416	102.894
AE.61332	- Vữa XM mác 50	m ³	572.503	351.416	102.894
AE.61333	- Vữa XM mác 75	m ³	591.054	351.416	102.894
AE.61334	- Vữa XM mác 100	m ³	610.371	351.416	102.894
AE.61335	- Vữa XM mác 125	m ³	628.150	351.416	102.894
	Chiều cao $\leq 200\text{m}$				
AE.61341	- Vữa XM mác 25	m ³	551.314	366.806	155.575
AE.61342	- Vữa XM mác 50	m ³	572.503	366.806	155.575
AE.61343	- Vữa XM mác 75	m ³	591.054	366.806	155.575
AE.61344	- Vữa XM mác 100	m ³	610.371	366.806	155.575
AE.61345	- Vữa XM mác 125	m ³	628.150	366.806	155.575

AE.62000 XÂY GẠCH ỚNG (10x 10 x 20) CẦU GẠCH THỂ (5 X 10 X 20)Đơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường gạch ớng 10x10x20, cầu gạch thể 5x10x20 Chiều cao ≤ 6m				
AE.62111	- Vữa XM mác 25	m ³	665.255	384.762	9.421
AE.62112	- Vữa XM mác 50	m ³	694.479	384.762	9.421
AE.62113	- Vữa XM mác 75	m ³	720.068	384.762	9.421
AE.62114	- Vữa XM mác 100	m ³	746.713	384.762	9.421
AE.62115	- Vữa XM mác 125	m ³	771.234	384.762	9.421
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.62121	- Vữa XM mác 25	m ³	665.255	438.629	55.384
AE.62122	- Vữa XM mác 50	m ³	694.479	438.629	55.384
AE.62123	- Vữa XM mác 75	m ³	720.068	438.629	55.384
AE.62124	- Vữa XM mác 100	m ³	746.713	438.629	55.384
AE.62125	- Vữa XM mác 125	m ³	771.234	438.629	55.384
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.62131	- Vữa XM mác 25	m ³	665.255	482.235	105.178
AE.62132	- Vữa XM mác 50	m ³	694.479	482.235	105.178
AE.62133	- Vữa XM mác 75	m ³	720.068	482.235	105.178
AE.62134	- Vữa XM mác 100	m ³	746.713	482.235	105.178
AE.62135	- Vữa XM mác 125	m ³	771.234	482.235	105.178
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.62141	- Vữa XM mác 25	m ³	665.255	502.756	157.859
AE.62142	- Vữa XM mác 50	m ³	694.479	502.756	157.859
AE.62143	- Vữa XM mác 75	m ³	720.068	502.756	157.859
AE.62144	- Vữa XM mác 100	m ³	746.713	502.756	157.859
AE.62145	- Vữa XM mác 125	m ³	771.234	502.756	157.859

AE.63000 XÂY TƯỜNG GẠCH ỐNG (8 x 8 x 19)Đơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thẳng gạch ống 8x8x19				
	Chiều dày ≤ 10cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.63111	- Vữa XM mác 25	m ³	803.361	500.191	6.852
AE.63112	- Vữa XM mác 50	m ³	824.062	500.191	6.852
AE.63113	- Vữa XM mác 75	m ³	842.188	500.191	6.852
AE.63114	- Vữa XM mác 100	m ³	861.060	500.191	6.852
AE.63115	- Vữa XM mác 125	m ³	878.429	500.191	6.852
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.63121	- Vữa XM mác 25	m ³	803.361	551.492	52.815
AE.63122	- Vữa XM mác 50	m ³	824.062	551.492	52.815
AE.63123	- Vữa XM mác 75	m ³	842.188	551.492	52.815
AE.63124	- Vữa XM mác 100	m ³	861.060	551.492	52.815
AE.63125	- Vữa XM mác 125	m ³	878.429	551.492	52.815
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.63131	- Vữa XM mác 25	m ³	803.361	605.359	102.609
AE.63132	- Vữa XM mác 50	m ³	824.062	605.359	102.609
AE.63133	- Vữa XM mác 75	m ³	842.188	605.359	102.609
AE.63134	- Vữa XM mác 100	m ³	861.060	605.359	102.609
AE.63135	- Vữa XM mác 125	m ³	878.429	605.359	102.609
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.63141	- Vữa XM mác 25	m ³	803.361	633.575	155.290
AE.63142	- Vữa XM mác 50	m ³	824.062	633.575	155.290
AE.63143	- Vữa XM mác 75	m ³	842.188	633.575	155.290
AE.63144	- Vữa XM mác 100	m ³	861.060	633.575	155.290
AE.63145	- Vữa XM mác 125	m ³	878.429	633.575	155.290
	Chiều dày ≤ 30cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.63211	- Vữa XM mác 25	m ³	789.243	436.064	8.565

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
AE.63212	- Vữa XM mác 50	m ³	814.814	436.064	8.565
AE.63213	- Vữa XM mác 75	m ³	837.206	436.064	8.565
AE.63214	- Vữa XM mác 100	m ³	860.519	436.064	8.565
AE.63215	- Vữa XM mác 125	m ³	881.975	436.064	8.565
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.63221	- Vữa XM mác 25	m ³	789.243	474.540	54.528
AE.63222	- Vữa XM mác 50	m ³	814.814	474.540	54.528
AE.63223	- Vữa XM mác 75	m ³	837.206	474.540	54.528
AE.63224	- Vữa XM mác 100	m ³	860.519	474.540	54.528
AE.63225	- Vữa XM mác 125	m ³	881.975	474.540	54.528
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.63231	- Vữa XM mác 25	m ³	789.243	520.711	104.322
AE.63232	- Vữa XM mác 50	m ³	814.814	520.711	104.322
AE.63233	- Vữa XM mác 75	m ³	837.206	520.711	104.322
AE.63234	- Vữa XM mác 100	m ³	860.519	520.711	104.322
AE.63235	- Vữa XM mác 125	m ³	881.975	520.711	104.322
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.63241	- Vữa XM mác 25	m ³	789.243	543.797	157.003
AE.63242	- Vữa XM mác 50	m ³	814.814	543.797	157.003
AE.63243	- Vữa XM mác 75	m ³	837.206	543.797	157.003
AE.63244	- Vữa XM mác 100	m ³	860.519	543.797	157.003
AE.63245	- Vữa XM mác 125	m ³	881.975	543.797	157.003
	Chiều dày > 30cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.63311	- Vữa XM mác 25	m ³	771.858	377.067	9.421
AE.63312	- Vữa XM mác 50	m ³	803.519	377.067	9.421
AE.63313	- Vữa XM mác 75	m ³	831.241	377.067	9.421
AE.63314	- Vữa XM mác 100	m ³	860.103	377.067	9.421
AE.63315	- Vữa XM mác 125	m ³	886.669	377.067	9.421
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.63321	- Vữa XM mác 25	m ³	771.858	415.543	55.384
AE.63322	- Vữa XM mác 50	m ³	803.519	415.543	55.384

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
AE.63323	- Vữa XM mác 75	m ³	831.241	415.543	55.384
AE.63324	- Vữa XM mác 100	m ³	860.103	415.543	55.384
AE.63325	- Vữa XM mác 125	m ³	886.669	415.543	55.384
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.63331	- Vữa XM mác 25	m ³	771.858	456.584	105.178
AE.63332	- Vữa XM mác 50	m ³	803.519	456.584	105.178
AE.63333	- Vữa XM mác 75	m ³	831.241	456.584	105.178
AE.63334	- Vữa XM mác 100	m ³	860.103	456.584	105.178
AE.63335	- Vữa XM mác 125	m ³	886.669	456.584	105.178
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.63341	- Vữa XM mác 25	m ³	771.858	477.105	157.859
AE.63342	- Vữa XM mác 50	m ³	803.519	477.105	157.859
AE.63343	- Vữa XM mác 75	m ³	831.241	477.105	157.859
AE.63344	- Vữa XM mác 100	m ³	860.103	477.105	157.859
AE.63345	- Vữa XM mác 125	m ³	886.669	477.105	157.859

AE.64000 XÂY GẠCH ÔNG (8x 8 x 19) CẦU GẠCH THỂ (4 X 8 X 19)Đơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường gạch ống 8x8x19 cầu gạch thể 4x8x19				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.64111	- Vữa XM mác 25	m ³	919.577	474.540	9.136
AE.64112	- Vữa XM mác 50	m ³	947.584	474.540	9.136
AE.64113	- Vữa XM mác 75	m ³	972.106	474.540	9.136
AE.64114	- Vữa XM mác 100	m ³	997.640	474.540	9.136
AE.64115	- Vữa XM mác 125	m ³	1.021.141	474.540	9.136
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.64121	- Vữa XM mác 25	m ³	919.577	551.492	55.099
AE.64122	- Vữa XM mác 50	m ³	947.584	551.492	55.099
AE.64123	- Vữa XM mác 75	m ³	972.106	551.492	55.099
AE.64124	- Vữa XM mác 100	m ³	997.640	551.492	55.099
AE.64125	- Vữa XM mác 125	m ³	1.021.141	551.492	55.099
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.64131	- Vữa XM mác 25	m ³	919.577	605.359	104.893
AE.64132	- Vữa XM mác 50	m ³	947.584	605.359	104.893
AE.64133	- Vữa XM mác 75	m ³	972.106	605.359	104.893
AE.64134	- Vữa XM mác 100	m ³	997.640	605.359	104.893
AE.64135	- Vữa XM mác 125	m ³	1.021.141	605.359	104.893
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.64141	- Vữa XM mác 25	m ³	919.577	633.575	157.574
AE.64142	- Vữa XM mác 50	m ³	947.584	633.575	157.574
AE.64143	- Vữa XM mác 75	m ³	972.106	633.575	157.574
AE.64144	- Vữa XM mác 100	m ³	997.640	633.575	157.574
AE.64145	- Vữa XM mác 125	m ³	1.021.141	633.575	157.574

AE.64200 XÂY TƯỜNG GẠCH KHÔNG NUNG (XI MĂNG CỐT LIỆU 04 LỖ, 80x80x180mm)*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị, lắp đặt và tháo dỡ dàn giáo xây. Trộn vữa, xây (kể cả những bộ phận, kết cấu nhỏ gắn liền với bộ phận kết cấu chung như đường viền bệ cửa sổ, gờ chỉ... tính vào khối lượng) bảo đảm đúng yêu cầu kỹ thuật, vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m (vật liệu dàn giáo xây đã tính trong đơn giá).

Đơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường gạch không nung (xi măng cốt liệu 04 lỗ, 80x80x180mm)				
	❖ Chiều dày ≤ 10cm				
	Chiều cao ≤ 4m				
AE.642111	- Vữa XM mác 25	m ³	1.306.295	500.191	5.412
AE.642112	- Vữa XM mác 50	m ³	1.330.389	500.191	5.412
AE.642113	- Vữa XM mác 75	m ³	1.351.486	500.191	5.412
AE.642114	- Vữa XM mác 100	m ³	1.373.453	500.191	5.412
AE.642115	- Vữa XM mác 125	m ³	1.393.670	500.191	5.412
	Chiều cao ≤ 16m				
AE.642121	- Vữa XM mác 25	m ³	1.312.457	551.492	31.841
AE.642122	- Vữa XM mác 50	m ³	1.336.664	551.492	31.841
AE.642123	- Vữa XM mác 75	m ³	1.357.861	551.492	31.841
AE.642124	- Vữa XM mác 100	m ³	1.379.931	551.492	31.841
AE.642125	- Vữa XM mác 125	m ³	1.400.244	551.492	31.841
	Chiều cao ≤ 50m				
AE.642131	- Vữa XM mác 25	m ³	1.312.457	605.359	101.675
AE.642132	- Vữa XM mác 50	m ³	1.336.664	605.359	101.675
AE.642133	- Vữa XM mác 75	m ³	1.357.861	605.359	101.675
AE.642134	- Vữa XM mác 100	m ³	1.379.931	605.359	101.675
AE.642135	- Vữa XM mác 125	m ³	1.400.244	605.359	101.675
	Chiều cao >50m				
AE.642141	- Vữa XM mác 25	m ³	1.312.457	633.575	135.370
AE.642142	- Vữa XM mác 50	m ³	1.336.664	633.575	135.370

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
AE.642143	- Vữa XM mác 75	m ³	1.357.861	633.575	135.370
AE.642144	- Vữa XM mác 100	m ³	1.379.931	633.575	135.370
AE.642145	- Vữa XM mác 125	m ³	1.400.244	633.575	135.370
	❖ Chiều dày ≤ 30cm				
	Chiều cao ≤ 4m				
AE.642211	- Vữa XM mác 25	m ³	1.257.059	436.064	8.117
AE.642212	- Vữa XM mác 50	m ³	1.286.284	436.064	8.117
AE.642213	- Vữa XM mác 75	m ³	1.311.872	436.064	8.117
AE.642214	- Vữa XM mác 100	m ³	1.338.517	436.064	8.117
AE.642215	- Vữa XM mác 125	m ³	1.363.039	436.064	8.117
	Chiều cao ≤ 16m				
AE.642221	- Vữa XM mác 25	m ³	1.269.031	474.540	30.159
AE.642222	- Vữa XM mác 50	m ³	1.298.534	474.540	30.159
AE.642223	- Vữa XM mác 75	m ³	1.324.366	474.540	30.159
AE.642224	- Vữa XM mác 100	m ³	1.351.265	474.540	30.159
AE.642225	- Vữa XM mác 125	m ³	1.376.020	474.540	30.159
	Chiều cao ≤ 50m				
AE.642231	- Vữa XM mác 25	m ³	1.269.031	520.711	104.393
AE.642232	- Vữa XM mác 50	m ³	1.298.534	520.711	104.393
AE.642233	- Vữa XM mác 75	m ³	1.324.366	520.711	104.393
AE.642234	- Vữa XM mác 100	m ³	1.351.265	520.711	104.393
AE.642235	- Vữa XM mác 125	m ³	1.376.020	520.711	104.393
	Chiều cao >50m				
AE.642241	- Vữa XM mác 25	m ³	1.269.031	543.797	138.089
AE.642242	- Vữa XM mác 50	m ³	1.298.534	543.797	138.089
AE.642243	- Vữa XM mác 75	m ³	1.324.366	543.797	138.089
AE.642244	- Vữa XM mác 100	m ³	1.351.265	543.797	138.089
AE.642245	- Vữa XM mác 125	m ³	1.376.020	543.797	138.089
	❖ Chiều dày > 30cm				
	Chiều cao ≤ 4m				
AE.642311	- Vữa XM mác 25	m ³	1.214.920	377.067	8.117
AE.642312	- Vữa XM mác 50	m ³	1.251.084	377.067	8.117

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
AE.642313	- Vữa XM mác 75	m ³	1.282.751	377.067	8.117
AE.642314	- Vữa XM mác 100	m ³	1.315.722	377.067	8.117
AE.642315	- Vữa XM mác 125	m ³	1.346.069	377.067	8.117
	Chiều cao $\leq 16m$				
AE.642321	- Vữa XM mác 25	m ³	1.226.491	415.543	30.159
AE.642322	- Vữa XM mác 50	m ³	1.263.000	415.543	30.159
AE.642323	- Vữa XM mác 75	m ³	1.294.968	415.543	30.159
AE.642324	- Vữa XM mác 100	m ³	1.328.253	415.543	30.159
AE.642325	- Vữa XM mác 125	m ³	1.358.888	415.543	30.159
	Chiều cao $\leq 50m$				
AE.642331	- Vữa XM mác 25	m ³	1.226.491	456.584	104.393
AE.642332	- Vữa XM mác 50	m ³	1.263.000	456.584	104.393
AE.642333	- Vữa XM mác 75	m ³	1.294.968	456.584	104.393
AE.642334	- Vữa XM mác 100	m ³	1.328.253	456.584	104.393
AE.642335	- Vữa XM mác 125	m ³	1.358.888	456.584	104.393
	Chiều cao $>50m$				
AE.642341	- Vữa XM mác 25	m ³	1.226.491	477.105	138.089
AE.642342	- Vữa XM mác 50	m ³	1.263.000	477.105	138.089
AE.642343	- Vữa XM mác 75	m ³	1.294.968	477.105	138.089
AE.642344	- Vữa XM mác 100	m ³	1.328.253	477.105	138.089
AE.642345	- Vữa XM mác 125	m ³	1.358.888	477.105	138.089

AE.65000 XÂY TƯỜNG GẠCH ÓNG (9 x 9 x 19)Đơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thẳng gạch ống 9x9x19				
	Chiều dày ≤ 10cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.65111	- Vữa XM mác 25	m ³	659.628	448.889	6.566
AE.65112	- Vữa XM mác 50	m ³	679.111	448.889	6.566
AE.65113	- Vữa XM mác 75	m ³	696.171	448.889	6.566
AE.65114	- Vữa XM mác 100	m ³	713.933	448.889	6.566
AE.65115	- Vữa XM mác 125	m ³	730.280	448.889	6.566
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.65121	- Vữa XM mác 25	m ³	659.628	495.060	52.529
AE.65122	- Vữa XM mác 50	m ³	679.111	495.060	52.529
AE.65123	- Vữa XM mác 75	m ³	696.171	495.060	52.529
AE.65124	- Vữa XM mác 100	m ³	713.933	495.060	52.529
AE.65125	- Vữa XM mác 125	m ³	730.280	495.060	52.529
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.65131	- Vữa XM mác 25	m ³	659.628	543.797	102.323
AE.65132	- Vữa XM mác 50	m ³	679.111	543.797	102.323
AE.65133	- Vữa XM mác 75	m ³	696.171	543.797	102.323
AE.65134	- Vữa XM mác 100	m ³	713.933	543.797	102.323
AE.65135	- Vữa XM mác 125	m ³	730.280	543.797	102.323
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.65141	- Vữa XM mác 25	m ³	659.628	566.883	155.004
AE.65142	- Vữa XM mác 50	m ³	679.111	566.883	155.004
AE.65143	- Vữa XM mác 75	m ³	696.171	566.883	155.004
AE.65144	- Vữa XM mác 100	m ³	713.933	566.883	155.004
AE.65145	- Vữa XM mác 125	m ³	730.280	566.883	155.004

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Chiều dày $\leq 30\text{cm}$				
	Chiều cao $\leq 6\text{m}$				
AE.65211	- Vữa XM mác 25	m ³	643.527	397.587	7.708
AE.65212	- Vữa XM mác 50	m ³	666.664	397.587	7.708
AE.65213	- Vữa XM mác 75	m ³	686.921	397.587	7.708
AE.65214	- Vữa XM mác 100	m ³	708.014	397.587	7.708
AE.65215	- Vữa XM mác 125	m ³	727.428	397.587	7.708
	Chiều cao $\leq 28\text{m}$				
AE.65221	- Vữa XM mác 25	m ³	643.527	423.238	53.671
AE.65222	- Vữa XM mác 50	m ³	666.664	423.238	53.671
AE.65223	- Vữa XM mác 75	m ³	686.921	423.238	53.671
AE.65224	- Vữa XM mác 100	m ³	708.014	423.238	53.671
AE.65225	- Vữa XM mác 125	m ³	727.428	423.238	53.671
	Chiều cao $\leq 100\text{m}$				
AE.65231	- Vữa XM mác 25	m ³	643.527	464.279	103.465
AE.65232	- Vữa XM mác 50	m ³	666.664	464.279	103.465
AE.65233	- Vữa XM mác 75	m ³	686.921	464.279	103.465
AE.65234	- Vữa XM mác 100	m ³	708.014	464.279	103.465
AE.65235	- Vữa XM mác 125	m ³	727.428	464.279	103.465
	Chiều cao $\leq 200\text{m}$				
AE.65241	- Vữa XM mác 25	m ³	643.527	484.800	156.146
AE.65242	- Vữa XM mác 50	m ³	666.664	484.800	156.146
AE.65243	- Vữa XM mác 75	m ³	686.921	484.800	156.146
AE.65244	- Vữa XM mác 100	m ³	708.014	484.800	156.146
AE.65245	- Vữa XM mác 125	m ³	727.428	484.800	156.146
	Chiều dày $> 30\text{cm}$				
	Chiều cao $\leq 6\text{m}$				
AE.65311	- Vữa XM mác 25	m ³	648.426	336.025	8.279
AE.65312	- Vữa XM mác 50	m ³	675.216	336.025	8.279
AE.65313	- Vữa XM mác 75	m ³	698.673	336.025	8.279
AE.65314	- Vữa XM mác 100	m ³	723.096	336.025	8.279

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
AE.65315	- Vữa XM mác 125	m ³	745.574	336.025	8.279
	Chiều cao $\leq 28m$				
AE.65321	- Vữa XM mác 25	m ³	648.426	369.372	54.242
AE.65322	- Vữa XM mác 50	m ³	675.216	369.372	54.242
AE.65323	- Vữa XM mác 75	m ³	698.673	369.372	54.242
AE.65324	- Vữa XM mác 100	m ³	723.096	369.372	54.242
AE.65325	- Vữa XM mác 125	m ³	745.574	369.372	54.242
	Chiều cao $\leq 100m$				
AE.65331	- Vữa XM mác 25	m ³	648.426	405.283	104.036
AE.65332	- Vữa XM mác 50	m ³	675.216	405.283	104.036
AE.65333	- Vữa XM mác 75	m ³	698.673	405.283	104.036
AE.65334	- Vữa XM mác 100	m ³	723.096	405.283	104.036
AE.65335	- Vữa XM mác 125	m ³	745.574	405.283	104.036
	Chiều cao $\leq 200m$				
AE.65341	- Vữa XM mác 25	m ³	648.426	423.238	156.717
AE.65342	- Vữa XM mác 50	m ³	675.216	423.238	156.717
AE.65343	- Vữa XM mác 75	m ³	698.673	423.238	156.717
AE.65344	- Vữa XM mác 100	m ³	723.096	423.238	156.717
AE.65345	- Vữa XM mác 125	m ³	745.574	423.238	156.717

AE.71000 XÂY GẠCH RỔNG 6 LỖ (10 X 15 X 22)Đơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thẳng gạch rỗng 6 lỗ 10x15x22				
	Chiều dày ≤ 10				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.71111	- Vữa XM mác 25	m ³	520.386	341.156	6.852
AE.71112	- Vữa XM mác 50	m ³	541.087	341.156	6.852
AE.71113	- Vữa XM mác 75	m ³	559.213	341.156	6.852
AE.71114	- Vữa XM mác 100	m ³	578.085	341.156	6.852
AE.71115	- Vữa XM mác 125	m ³	595.454	341.156	6.852
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.71121	- Vữa XM mác 25	m ³	520.386	359.111	52.815
AE.71122	- Vữa XM mác 50	m ³	541.087	359.111	52.815
AE.71123	- Vữa XM mác 75	m ³	559.213	359.111	52.815
AE.71124	- Vữa XM mác 100	m ³	578.085	359.111	52.815
AE.71125	- Vữa XM mác 125	m ³	595.454	359.111	52.815
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.71131	- Vữa XM mác 25	m ³	520.386	395.022	102.609
AE.71132	- Vữa XM mác 50	m ³	541.087	395.022	102.609
AE.71133	- Vữa XM mác 75	m ³	559.213	395.022	102.609
AE.71134	- Vữa XM mác 100	m ³	578.085	395.022	102.609
AE.71135	- Vữa XM mác 125	m ³	595.454	395.022	102.609
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.71141	- Vữa XM mác 25	m ³	520.386	412.978	155.290
AE.71142	- Vữa XM mác 50	m ³	541.087	412.978	155.290
AE.71143	- Vữa XM mác 75	m ³	559.213	412.978	155.290
AE.71144	- Vữa XM mác 100	m ³	578.085	412.978	155.290
AE.71145	- Vữa XM mác 125	m ³	595.454	412.978	155.290

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Chiều dày > 10				
	Chiều cao $\leq 6m$				
AE.71211	- Vữa XM mác 25	m ³	508.708	289.854	7.137
AE.71212	- Vữa XM mác 50	m ³	530.747	289.854	7.137
AE.71213	- Vữa XM mác 75	m ³	550.047	289.854	7.137
AE.71214	- Vữa XM mác 100	m ³	570.140	289.854	7.137
AE.71215	- Vữa XM mác 125	m ³	588.634	289.854	7.137
	Chiều cao $\leq 28m$				
AE.71221	- Vữa XM mác 25	m ³	508.708	297.549	53.100
AE.71222	- Vữa XM mác 50	m ³	530.747	297.549	53.100
AE.71223	- Vữa XM mác 75	m ³	550.047	297.549	53.100
AE.71224	- Vữa XM mác 100	m ³	570.140	297.549	53.100
AE.71225	- Vữa XM mác 125	m ³	588.634	297.549	53.100
	Chiều cao $\leq 100m$				
AE.71231	- Vữa XM mác 25	m ³	508.708	328.330	102.894
AE.71232	- Vữa XM mác 50	m ³	530.747	328.330	102.894
AE.71233	- Vữa XM mác 75	m ³	550.047	328.330	102.894
AE.71234	- Vữa XM mác 100	m ³	570.140	328.330	102.894
AE.71235	- Vữa XM mác 125	m ³	588.634	328.330	102.894
	Chiều cao $\leq 200m$				
AE.71241	- Vữa XM mác 25	m ³	508.708	343.721	155.575
AE.71242	- Vữa XM mác 50	m ³	530.747	343.721	155.575
AE.71243	- Vữa XM mác 75	m ³	550.047	343.721	155.575
AE.71244	- Vữa XM mác 100	m ³	570.140	343.721	155.575
AE.71245	- Vữa XM mác 125	m ³	588.634	343.721	155.575

AE.72000 XÂY GẠCH RỔNG 6 LỖ (10 X 13,5 X 22)Đơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thẳng gạch 6 lỗ 10x13,5x22				
	Chiều dày ≤ 10cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.72111	- Vữa XM mác 25	m ³	551.478	348.851	6.566
AE.72112	- Vữa XM mác 50	m ³	570.961	348.851	6.566
AE.72113	- Vữa XM mác 75	m ³	588.021	348.851	6.566
AE.72114	- Vữa XM mác 100	m ³	605.783	348.851	6.566
AE.72115	- Vữa XM mác 125	m ³	622.130	348.851	6.566
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.72121	- Vữa XM mác 25	m ³	551.478	369.372	52.529
AE.72122	- Vữa XM mác 50	m ³	570.961	369.372	52.529
AE.72123	- Vữa XM mác 75	m ³	588.021	369.372	52.529
AE.72124	- Vữa XM mác 100	m ³	605.783	369.372	52.529
AE.72125	- Vữa XM mác 125	m ³	622.130	369.372	52.529
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.72131	- Vữa XM mác 25	m ³	551.478	402.718	102.323
AE.72132	- Vữa XM mác 50	m ³	570.961	402.718	102.323
AE.72133	- Vữa XM mác 75	m ³	588.021	402.718	102.323
AE.72134	- Vữa XM mác 100	m ³	605.783	402.718	102.323
AE.72135	- Vữa XM mác 125	m ³	622.130	402.718	102.323
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.72141	- Vữa XM mác 25	m ³	551.478	423.238	155.004
AE.72142	- Vữa XM mác 50	m ³	570.961	423.238	155.004
AE.72143	- Vữa XM mác 75	m ³	588.021	423.238	155.004
AE.72144	- Vữa XM mác 100	m ³	605.783	423.238	155.004
AE.72145	- Vữa XM mác 125	m ³	622.130	423.238	155.004

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Chiều dày > 10cm				
	Chiều cao $\leq 6m$				
AE.72211	- Vữa XM mác 25	m ³	544.011	300.114	6.852
AE.72212	- Vữa XM mác 50	m ³	564.712	300.114	6.852
AE.72213	- Vữa XM mác 75	m ³	582.838	300.114	6.852
AE.72214	- Vữa XM mác 100	m ³	601.710	300.114	6.852
AE.72215	- Vữa XM mác 125	m ³	619.079	300.114	6.852
	Chiều cao $\leq 28m$				
AE.72221	- Vữa XM mác 25	m ³	544.011	310.375	52.815
AE.72222	- Vữa XM mác 50	m ³	564.712	310.375	52.815
AE.72223	- Vữa XM mác 75	m ³	582.838	310.375	52.815
AE.72224	- Vữa XM mác 100	m ³	601.710	310.375	52.815
AE.72225	- Vữa XM mác 125	m ³	619.079	310.375	52.815
	Chiều cao $\leq 100m$				
AE.72231	- Vữa XM mác 25	m ³	544.011	341.156	102.609
AE.72232	- Vữa XM mác 50	m ³	564.712	341.156	102.609
AE.72233	- Vữa XM mác 75	m ³	582.838	341.156	102.609
AE.72234	- Vữa XM mác 100	m ³	601.710	341.156	102.609
AE.72235	- Vữa XM mác 125	m ³	619.079	341.156	102.609
	Chiều cao $\leq 200m$				
AE.72241	- Vữa XM mác 25	m ³	544.011	356.546	155.290
AE.72242	- Vữa XM mác 50	m ³	564.712	356.546	155.290
AE.72243	- Vữa XM mác 75	m ³	582.838	356.546	155.290
AE.72244	- Vữa XM mác 100	m ³	601.710	356.546	155.290
AE.72245	- Vữa XM mác 125	m ³	619.079	356.546	155.290

AE.73000 XÂY GẠCH RỔNG 6 LỖ (8,5 X 13 X 20)Đơn vị tính: đồng/m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thẳng gạch rỗng 6 lỗ 8,5x13x20				
	Chiều dày ≤ 10cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.73111	- Vữa XM mác 25	m ³	707.811	366.806	6.852
AE.73112	- Vữa XM mác 50	m ³	728.512	366.806	6.852
AE.73113	- Vữa XM mác 75	m ³	746.638	366.806	6.852
AE.73114	- Vữa XM mác 100	m ³	765.510	366.806	6.852
AE.73115	- Vữa XM mác 125	m ³	782.879	366.806	6.852
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.73121	- Vữa XM mác 25	m ³	707.811	377.067	52.815
AE.73122	- Vữa XM mác 50	m ³	728.512	377.067	52.815
AE.73123	- Vữa XM mác 75	m ³	746.638	377.067	52.815
AE.73124	- Vữa XM mác 100	m ³	765.510	377.067	52.815
AE.73125	- Vữa XM mác 125	m ³	782.879	377.067	52.815
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.73131	- Vữa XM mác 25	m ³	707.811	415.543	102.609
AE.73132	- Vữa XM mác 50	m ³	728.512	415.543	102.609
AE.73133	- Vữa XM mác 75	m ³	746.638	415.543	102.609
AE.73134	- Vữa XM mác 100	m ³	765.510	415.543	102.609
AE.73135	- Vữa XM mác 125	m ³	782.879	415.543	102.609
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.73141	- Vữa XM mác 25	m ³	707.811	433.499	155.290
AE.73142	- Vữa XM mác 50	m ³	728.512	433.499	155.290
AE.73143	- Vữa XM mác 75	m ³	746.638	433.499	155.290
AE.73144	- Vữa XM mác 100	m ³	765.510	433.499	155.290
AE.73145	- Vữa XM mác 125	m ³	782.879	433.499	155.290

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Chiều dày > 10cm				
	Chiều cao $\leq 6m$				
AE.73211	- Vữa XM mác 25	m ³	690.895	353.981	7.137
AE.73212	- Vữa XM mác 50	m ³	712.814	353.981	7.137
AE.73213	- Vữa XM mác 75	m ³	732.004	353.981	7.137
AE.73214	- Vữa XM mác 100	m ³	751.987	353.981	7.137
AE.73215	- Vữa XM mác 125	m ³	770.379	353.981	7.137
	Chiều cao $\leq 28m$				
AE.73221	- Vữa XM mác 25	m ³	690.895	364.241	53.100
AE.73222	- Vữa XM mác 50	m ³	712.814	364.241	53.100
AE.73223	- Vữa XM mác 75	m ³	732.004	364.241	53.100
AE.73224	- Vữa XM mác 100	m ³	751.987	364.241	53.100
AE.73225	- Vữa XM mác 125	m ³	770.379	364.241	53.100
	Chiều cao $\leq 100m$				
AE.73231	- Vữa XM mác 25	m ³	690.895	400.152	102.894
AE.73232	- Vữa XM mác 50	m ³	712.814	400.152	102.894
AE.73233	- Vữa XM mác 75	m ³	732.004	400.152	102.894
AE.73234	- Vữa XM mác 100	m ³	751.987	400.152	102.894
AE.73235	- Vữa XM mác 125	m ³	770.379	400.152	102.894
	Chiều cao $\leq 200m$				
AE.73241	- Vữa XM mác 25	m ³	690.895	420.673	155.575
AE.73242	- Vữa XM mác 50	m ³	712.814	420.673	155.575
AE.73243	- Vữa XM mác 75	m ³	732.004	420.673	155.575
AE.73244	- Vữa XM mác 100	m ³	751.987	420.673	155.575
AE.73245	- Vữa XM mác 125	m ³	770.379	420.673	155.575

AE.81000 XÂY GẠCH BÊ TÔNG*Thành phần công việc:*

Chuẩn bị, lắp và tháo dỡ dàn giáo xây, trộn vữa, xây theo yêu cầu kỹ thuật. Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m.

- Vữa xây trong đơn giá sử dụng vữa xi măng PC40, cát vàng có mô đun độ lớn ML > 2

AE.81100 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (20 x 20 x 40)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thẳng gạch 20x20x40cm				
	Chiều dày 20cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.81111	- Vữa XM mác 25	m ³	486.466	369.372	4.303
AE.81112	- Vữa XM mác 50	m ³	499.493	369.372	4.303
AE.81113	- Vữa XM mác 75	m ³	510.898	369.372	4.303
AE.81114	- Vữa XM mác 100	m ³	522.774	369.372	4.303
AE.81115	- Vữa XM mác 125	m ³	533.703	369.372	4.303
AE.81116	- Vữa XM mác 150	m ³	544.004	369.372	4.303
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.81121	- Vữa XM mác 25	m ³	486.466	384.762	50.496
AE.81122	- Vữa XM mác 50	m ³	499.493	384.762	50.496
AE.81123	- Vữa XM mác 75	m ³	510.898	384.762	50.496
AE.81124	- Vữa XM mác 100	m ³	522.774	384.762	50.496
AE.81125	- Vữa XM mác 125	m ³	533.703	384.762	50.496
AE.81126	- Vữa XM mác 150	m ³	544.004	384.762	50.496
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.81131	- Vữa XM mác 25	m ³	486.466	420.673	100.539
AE.81132	- Vữa XM mác 50	m ³	499.493	420.673	100.539
AE.81133	- Vữa XM mác 75	m ³	510.898	420.673	100.539
AE.81134	- Vữa XM mác 100	m ³	522.774	420.673	100.539
AE.81135	- Vữa XM mác 125	m ³	533.703	420.673	100.539
AE.81136	- Vữa XM mác 150	m ³	544.004	420.673	100.539

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Chiều cao $\leq 200m$				
AE.81141	- Vữa XM mác 25	m ³	486.466	438.629	153.484
AE.81142	- Vữa XM mác 50	m ³	499.493	438.629	153.484
AE.81143	- Vữa XM mác 75	m ³	510.898	438.629	153.484
AE.81144	- Vữa XM mác 100	m ³	522.774	438.629	153.484
AE.81145	- Vữa XM mác 125	m ³	533.703	438.629	153.484
AE.81146	- Vữa XM mác 150	m ³	544.004	438.629	153.484

AE.81200 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (15 x 20 x 40)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thẳng gạch bê tông 15x20x40cm				
	Chiều dày 15cm				
	Chiều cao $\leq 6m$				
AE.81211	- Vữa XM mác 25	m ³	441.403	397.587	4.303
AE.81212	- Vữa XM mác 50	m ³	454.549	397.587	4.303
AE.81213	- Vữa XM mác 75	m ³	466.060	397.587	4.303
AE.81214	- Vữa XM mác 100	m ³	478.045	397.587	4.303
AE.81215	- Vữa XM mác 125	m ³	489.076	397.587	4.303
AE.81216	- Vữa XM mác 150	m ³	499.474	397.587	4.303
	Chiều cao $\leq 28m$				
AE.81221	- Vữa XM mác 25	m ³	441.403	407.848	50.496
AE.81222	- Vữa XM mác 50	m ³	454.549	407.848	50.496
AE.81223	- Vữa XM mác 75	m ³	466.060	407.848	50.496
AE.81224	- Vữa XM mác 100	m ³	478.045	407.848	50.496
AE.81225	- Vữa XM mác 125	m ³	489.076	407.848	50.496
AE.81226	- Vữa XM mác 150	m ³	499.474	407.848	50.496

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Chiều cao $\leq 100m$				
AE.81231	- Vữa XM mác 25	m ³	441.403	448.889	100.539
AE.81232	- Vữa XM mác 50	m ³	454.549	448.889	100.539
AE.81233	- Vữa XM mác 75	m ³	466.060	448.889	100.539
AE.81234	- Vữa XM mác 100	m ³	478.045	448.889	100.539
AE.81235	- Vữa XM mác 125	m ³	489.076	448.889	100.539
AE.81236	- Vữa XM mác 150	m ³	499.474	448.889	100.539
	Chiều cao $\leq 200m$				
AE.81241	- Vữa XM mác 25	m ³	441.403	469.410	153.484
AE.81242	- Vữa XM mác 50	m ³	454.549	469.410	153.484
AE.81243	- Vữa XM mác 75	m ³	466.060	469.410	153.484
AE.81244	- Vữa XM mác 100	m ³	478.045	469.410	153.484
AE.81245	- Vữa XM mác 125	m ³	489.076	469.410	153.484
AE.81246	- Vữa XM mác 150	m ³	499.474	469.410	153.484

AE.81300 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (10 x 20 x 40)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thẳng gạch bê tông 10x20x40cm Chiều dày 10cm Chiều cao $\leq 6m$				
AE.81311	- Vữa XM mác 25	m ³	583.540	441.194	4.303
AE.81312	- Vữa XM mác 50	m ³	596.567	441.194	4.303
AE.81313	- Vữa XM mác 75	m ³	607.972	441.194	4.303
AE.81314	- Vữa XM mác 100	m ³	619.847	441.194	4.303
AE.81315	- Vữa XM mác 125	m ³	630.777	441.194	4.303
AE.81316	- Vữa XM mác 150	m ³	641.078	441.194	4.303

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Chiều cao $\leq 28m$				
AE.81321	- Vữa XM mác 25	m ³	583.540	454.019	50.496
AE.81322	- Vữa XM mác 50	m ³	596.567	454.019	50.496
AE.81323	- Vữa XM mác 75	m ³	607.972	454.019	50.496
AE.81324	- Vữa XM mác 100	m ³	619.847	454.019	50.496
AE.81325	- Vữa XM mác 125	m ³	630.777	454.019	50.496
AE.81326	- Vữa XM mác 150	m ³	641.078	454.019	50.496
	Chiều cao $\leq 100m$				
AE.81331	- Vữa XM mác 25	m ³	583.540	500.191	100.539
AE.81332	- Vữa XM mác 50	m ³	596.567	500.191	100.539
AE.81333	- Vữa XM mác 75	m ³	607.972	500.191	100.539
AE.81334	- Vữa XM mác 100	m ³	619.847	500.191	100.539
AE.81335	- Vữa XM mác 125	m ³	630.777	500.191	100.539
AE.81336	- Vữa XM mác 150	m ³	641.078	500.191	100.539
	Chiều cao $\leq 200m$				
AE.81341	- Vữa XM mác 25	m ³	583.540	520.711	153.484
AE.81342	- Vữa XM mác 50	m ³	596.567	520.711	153.484
AE.81343	- Vữa XM mác 75	m ³	607.972	520.711	153.484
AE.81344	- Vữa XM mác 100	m ³	619.847	520.711	153.484
AE.81345	- Vữa XM mác 125	m ³	630.777	520.711	153.484
AE.81346	- Vữa XM mác 150	m ³	641.078	520.711	153.484

AE.81400 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (19 x 19 x 39)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch bê tông 19x19x39cm Chiều dày 19cm Chiều cao $\leq 6m$				
AE.81411	- Vữa XM mác 25	m ³	671.935	387.327	4.591
AE.81412	- Vữa XM mác 50	m ³	685.564	387.327	4.591

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
AE.81413	- Vữa XM mác 75	m ³	697.497	387.327	4.591
AE.81414	- Vữa XM mác 100	m ³	709.923	387.327	4.591
AE.81415	- Vữa XM mác 125	m ³	721.359	387.327	4.591
AE.81416	- Vữa XM mác 150	m ³	732.136	387.327	4.591
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.81421	- Vữa XM mác 25	m ³	671.935	397.587	50.784
AE.81422	- Vữa XM mác 50	m ³	685.564	397.587	50.784
AE.81423	- Vữa XM mác 75	m ³	697.497	397.587	50.784
AE.81424	- Vữa XM mác 100	m ³	709.923	397.587	50.784
AE.81425	- Vữa XM mác 125	m ³	721.359	397.587	50.784
AE.81426	- Vữa XM mác 150	m ³	732.136	397.587	50.784
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.81431	- Vữa XM mác 25	m ³	671.935	438.629	100.827
AE.81432	- Vữa XM mác 50	m ³	685.564	438.629	100.827
AE.81433	- Vữa XM mác 75	m ³	697.497	438.629	100.827
AE.81434	- Vữa XM mác 100	m ³	709.923	438.629	100.827
AE.81435	- Vữa XM mác 125	m ³	721.359	438.629	100.827
AE.81436	- Vữa XM mác 150	m ³	732.136	438.629	100.827
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.81441	- Vữa XM mác 25	m ³	671.935	459.149	153.771
AE.81442	- Vữa XM mác 50	m ³	685.564	459.149	153.771
AE.81443	- Vữa XM mác 75	m ³	697.497	459.149	153.771
AE.81444	- Vữa XM mác 100	m ³	709.923	459.149	153.771
AE.81445	- Vữa XM mác 125	m ³	721.359	459.149	153.771
AE.81446	- Vữa XM mác 150	m ³	732.136	459.149	153.771

AE.81500 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (15 x 19 x 39)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thẳng gạch bê tông 15x19x39cm				
	Chiều dày 15cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.81511	- Vữa XM mác 25	m ³	639.060	407.848	4.591
AE.81512	- Vữa XM mác 50	m ³	652.689	407.848	4.591
AE.81513	- Vữa XM mác 75	m ³	664.622	407.848	4.591
AE.81514	- Vữa XM mác 100	m ³	677.048	407.848	4.591
AE.81515	- Vữa XM mác 125	m ³	688.484	407.848	4.591
AE.81516	- Vữa XM mác 150	m ³	699.262	407.848	4.591
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.81521	- Vữa XM mác 25	m ³	639.060	420.673	50.784
AE.81522	- Vữa XM mác 50	m ³	652.689	420.673	50.784
AE.81523	- Vữa XM mác 75	m ³	664.622	420.673	50.784
AE.81524	- Vữa XM mác 100	m ³	677.048	420.673	50.784
AE.81525	- Vữa XM mác 125	m ³	688.484	420.673	50.784
AE.81526	- Vữa XM mác 150	m ³	699.262	420.673	50.784
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.81531	- Vữa XM mác 25	m ³	639.060	461.714	100.827
AE.81532	- Vữa XM mác 50	m ³	652.689	461.714	100.827
AE.81533	- Vữa XM mác 75	m ³	664.622	461.714	100.827
AE.81534	- Vữa XM mác 100	m ³	677.048	461.714	100.827
AE.81535	- Vữa XM mác 125	m ³	688.484	461.714	100.827
AE.81536	- Vữa XM mác 150	m ³	699.262	461.714	100.827
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.81541	- Vữa XM mác 25	m ³	639.060	482.235	153.771
AE.81542	- Vữa XM mác 50	m ³	652.689	482.235	153.771
AE.81543	- Vữa XM mác 75	m ³	664.622	482.235	153.771
AE.81544	- Vữa XM mác 100	m ³	677.048	482.235	153.771
AE.81545	- Vữa XM mác 125	m ³	688.484	482.235	153.771
AE.81546	- Vữa XM mác 150	m ³	699.262	482.235	153.771

AE.81600 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (10 x 19 x 39)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch bê tông 10x19x39cm Chiều dày 10cm Chiều cao ≤ 6m				
AE.81611	- Vữa XM mác 25	m ³	755.894	448.889	4.591
AE.81612	- Vữa XM mác 50	m ³	769.523	448.889	4.591
AE.81613	- Vữa XM mác 75	m ³	781.456	448.889	4.591
AE.81614	- Vữa XM mác 100	m ³	793.882	448.889	4.591
AE.81615	- Vữa XM mác 125	m ³	805.318	448.889	4.591
AE.81616	- Vữa XM mác 150	m ³	816.095	448.889	4.591
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.81621	- Vữa XM mác 25	m ³	755.894	464.279	50.784
AE.81622	- Vữa XM mác 50	m ³	769.523	464.279	50.784
AE.81623	- Vữa XM mác 75	m ³	781.456	464.279	50.784
AE.81624	- Vữa XM mác 100	m ³	793.882	464.279	50.784
AE.81625	- Vữa XM mác 125	m ³	805.318	464.279	50.784
AE.81626	- Vữa XM mác 150	m ³	816.095	464.279	50.784
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.81631	- Vữa XM mác 25	m ³	755.894	507.886	100.827
AE.81632	- Vữa XM mác 50	m ³	769.523	507.886	100.827
AE.81633	- Vữa XM mác 75	m ³	781.456	507.886	100.827
AE.81634	- Vữa XM mác 100	m ³	793.882	507.886	100.827
AE.81635	- Vữa XM mác 125	m ³	805.318	507.886	100.827
AE.81636	- Vữa XM mác 150	m ³	816.095	507.886	100.827
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.81641	- Vữa XM mác 25	m ³	755.894	530.972	153.771
AE.81642	- Vữa XM mác 50	m ³	769.523	530.972	153.771
AE.81643	- Vữa XM mác 75	m ³	781.456	530.972	153.771
AE.81644	- Vữa XM mác 100	m ³	793.882	530.972	153.771
AE.81645	- Vữa XM mác 125	m ³	805.318	530.972	153.771
AE.81646	- Vữa XM mác 150	m ³	816.095	530.972	153.771

AE.81700 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (11,5 x 19 x 24)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thẳng gạch bê tông 11,5x19x24cm				
	Chiều dày 11,5cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.81711	- Vữa XM mác 25	m ³	1.134.150	487.365	5.451
AE.81712	- Vữa XM mác 50	m ³	1.150.072	487.365	5.451
AE.81713	- Vữa XM mác 75	m ³	1.164.011	487.365	5.451
AE.81714	- Vữa XM mác 100	m ³	1.178.525	487.365	5.451
AE.81715	- Vữa XM mác 125	m ³	1.191.885	487.365	5.451
AE.81716	- Vữa XM mác 150	m ³	1.204.475	487.365	5.451
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.81721	- Vữa XM mác 25	m ³	1.134.150	502.756	51.644
AE.81722	- Vữa XM mác 50	m ³	1.150.072	502.756	51.644
AE.81723	- Vữa XM mác 75	m ³	1.164.011	502.756	51.644
AE.81724	- Vữa XM mác 100	m ³	1.178.525	502.756	51.644
AE.81725	- Vữa XM mác 125	m ³	1.191.885	502.756	51.644
AE.81726	- Vữa XM mác 150	m ³	1.204.475	502.756	51.644
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.81731	- Vữa XM mác 25	m ³	1.134.150	551.492	101.687
AE.81732	- Vữa XM mác 50	m ³	1.150.072	551.492	101.687
AE.81733	- Vữa XM mác 75	m ³	1.164.011	551.492	101.687
AE.81734	- Vữa XM mác 100	m ³	1.178.525	551.492	101.687
AE.81735	- Vữa XM mác 125	m ³	1.191.885	551.492	101.687
AE.81736	- Vữa XM mác 150	m ³	1.204.475	551.492	101.687
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.81741	- Vữa XM mác 25	m ³	1.134.150	577.143	154.631
AE.81742	- Vữa XM mác 50	m ³	1.150.072	577.143	154.631
AE.81743	- Vữa XM mác 75	m ³	1.164.011	577.143	154.631
AE.81744	- Vữa XM mác 100	m ³	1.178.525	577.143	154.631
AE.81745	- Vữa XM mác 125	m ³	1.191.885	577.143	154.631
AE.81746	- Vữa XM mác 150	m ³	1.204.475	577.143	154.631

AE.81800 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (11,5 x 9 x 24)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thẳng gạch bê tông 11,5x9x24cm				
	Chiều dày 11,5cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.81811	- Vữa XM mác 25	m ³	1.217.025	530.972	8.320
AE.81812	- Vữa XM mác 50	m ³	1.242.834	530.972	8.320
AE.81813	- Vữa XM mác 75	m ³	1.265.435	530.972	8.320
AE.81814	- Vữa XM mác 100	m ³	1.288.965	530.972	8.320
AE.81815	- Vữa XM mác 125	m ³	1.310.623	530.972	8.320
AE.81816	- Vữa XM mác 150	m ³	1.331.035	530.972	8.320
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.81821	- Vữa XM mác 25	m ³	1.217.025	546.362	54.513
AE.81822	- Vữa XM mác 50	m ³	1.242.834	546.362	54.513
AE.81823	- Vữa XM mác 75	m ³	1.265.435	546.362	54.513
AE.81824	- Vữa XM mác 100	m ³	1.288.965	546.362	54.513
AE.81825	- Vữa XM mác 125	m ³	1.310.623	546.362	54.513
AE.81826	- Vữa XM mác 150	m ³	1.331.035	546.362	54.513
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.81831	- Vữa XM mác 25	m ³	1.217.025	597.664	104.556
AE.81832	- Vữa XM mác 50	m ³	1.242.834	597.664	104.556
AE.81833	- Vữa XM mác 75	m ³	1.265.435	597.664	104.556
AE.81834	- Vữa XM mác 100	m ³	1.288.965	597.664	104.556
AE.81835	- Vữa XM mác 125	m ³	1.310.623	597.664	104.556
AE.81836	- Vữa XM mác 150	m ³	1.331.035	597.664	104.556
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.81841	- Vữa XM mác 25	m ³	1.217.025	625.880	157.501
AE.81842	- Vữa XM mác 50	m ³	1.242.834	625.880	157.501
AE.81843	- Vữa XM mác 75	m ³	1.265.435	625.880	157.501
AE.81844	- Vữa XM mác 100	m ³	1.288.965	625.880	157.501
AE.81845	- Vữa XM mác 125	m ³	1.310.623	625.880	157.501
AE.81846	- Vữa XM mác 150	m ³	1.331.035	625.880	157.501

AE.81900 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (15 x 20 x 30)CMĐơn vị tính: đồng/m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thẳng gạch bê tông 15x20x30cm				
	Chiều dày 15cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.81911	- Vữa XM mác 25	m ³	543.177	436.064	4.591
AE.81912	- Vữa XM mác 50	m ³	557.408	436.064	4.591
AE.81913	- Vữa XM mác 75	m ³	569.870	436.064	4.591
AE.81914	- Vữa XM mác 100	m ³	582.845	436.064	4.591
AE.81915	- Vữa XM mác 125	m ³	594.786	436.064	4.591
AE.81916	- Vữa XM mác 150	m ³	606.042	436.064	4.591
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.81921	- Vữa XM mác 25	m ³	543.177	448.889	50.784
AE.81922	- Vữa XM mác 50	m ³	557.408	448.889	50.784
AE.81923	- Vữa XM mác 75	m ³	569.870	448.889	50.784
AE.81924	- Vữa XM mác 100	m ³	582.845	448.889	50.784
AE.81925	- Vữa XM mác 125	m ³	594.786	448.889	50.784
AE.81926	- Vữa XM mác 150	m ³	606.042	448.889	50.784
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.81931	- Vữa XM mác 25	m ³	543.177	495.060	100.827
AE.81932	- Vữa XM mác 50	m ³	557.408	495.060	100.827
AE.81933	- Vữa XM mác 75	m ³	569.870	495.060	100.827
AE.81934	- Vữa XM mác 100	m ³	582.845	495.060	100.827
AE.81935	- Vữa XM mác 125	m ³	594.786	495.060	100.827
AE.81936	- Vữa XM mác 150	m ³	606.042	495.060	100.827
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.81941	- Vữa XM mác 25	m ³	543.177	515.581	153.771
AE.81942	- Vữa XM mác 50	m ³	557.408	515.581	153.771
AE.81943	- Vữa XM mác 75	m ³	569.870	515.581	153.771
AE.81944	- Vữa XM mác 100	m ³	582.845	515.581	153.771
AE.81945	- Vữa XM mác 125	m ³	594.786	515.581	153.771
AE.81946	- Vữa XM mác 150	m ³	606.042	515.581	153.771

AE.82110 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (12 x 19 x 39)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch 12x19x39				
	Chiều dày 12cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.821111	- Vữa XM mác 25	m ³	1.405.020	438.629	4.591
AE.821112	- Vữa XM mác 50	m ³	1.418.649	438.629	4.591
AE.821113	- Vữa XM mác 75	m ³	1.430.582	438.629	4.591
AE.821114	- Vữa XM mác 100	m ³	1.443.008	438.629	4.591
AE.821115	- Vữa XM mác 125	m ³	1.454.444	438.629	4.591
AE.821116	- Vữa XM mác 150	m ³	1.465.222	438.629	4.591
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.821121	- Vữa XM mác 25	m ³	1.405.020	454.019	50.784
AE.821122	- Vữa XM mác 50	m ³	1.418.649	454.019	50.784
AE.821123	- Vữa XM mác 75	m ³	1.430.582	454.019	50.784
AE.821124	- Vữa XM mác 100	m ³	1.443.008	454.019	50.784
AE.821125	- Vữa XM mác 125	m ³	1.454.444	454.019	50.784
AE.821126	- Vữa XM mác 150	m ³	1.465.222	454.019	50.784
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.821131	- Vữa XM mác 25	m ³	1.405.020	497.626	100.827
AE.821132	- Vữa XM mác 50	m ³	1.418.649	497.626	100.827
AE.821133	- Vữa XM mác 75	m ³	1.430.582	497.626	100.827
AE.821134	- Vữa XM mác 100	m ³	1.443.008	497.626	100.827
AE.821135	- Vữa XM mác 125	m ³	1.454.444	497.626	100.827
AE.821136	- Vữa XM mác 150	m ³	1.465.222	497.626	100.827
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.821141	- Vữa XM mác 25	m ³	1.405.020	518.146	153.771
AE.821142	- Vữa XM mác 50	m ³	1.418.649	518.146	153.771
AE.821143	- Vữa XM mác 75	m ³	1.430.582	518.146	153.771
AE.821144	- Vữa XM mác 100	m ³	1.443.008	518.146	153.771
AE.821145	- Vữa XM mác 125	m ³	1.454.444	518.146	153.771
AE.821146	- Vữa XM mác 150	m ³	1.465.222	518.146	153.771

AE.82120 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (20 x 15 x 39)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch 20x15x39cm				
	Chiều dày 20cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.821211	- Vữa XM mác 25	m ³	1.392.803	397.587	5.165
AE.821212	- Vữa XM mác 50	m ³	1.408.241	397.587	5.165
AE.821213	- Vữa XM mác 75	m ³	1.421.759	397.587	5.165
AE.821214	- Vữa XM mác 100	m ³	1.435.833	397.587	5.165
AE.821215	- Vữa XM mác 125	m ³	1.448.787	397.587	5.165
AE.821216	- Vữa XM mác 150	m ³	1.460.996	397.587	5.165
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.821221	- Vữa XM mác 25	m ³	1.392.803	407.848	51.358
AE.821222	- Vữa XM mác 50	m ³	1.408.241	407.848	51.358
AE.821223	- Vữa XM mác 75	m ³	1.421.759	407.848	51.358
AE.821224	- Vữa XM mác 100	m ³	1.435.833	407.848	51.358
AE.821225	- Vữa XM mác 125	m ³	1.448.787	407.848	51.358
AE.821226	- Vữa XM mác 150	m ³	1.460.996	407.848	51.358
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.821231	- Vữa XM mác 25	m ³	1.392.803	448.889	101.400
AE.821232	- Vữa XM mác 50	m ³	1.408.241	448.889	101.400
AE.821233	- Vữa XM mác 75	m ³	1.421.759	448.889	101.400
AE.821234	- Vữa XM mác 100	m ³	1.435.833	448.889	101.400
AE.821235	- Vữa XM mác 125	m ³	1.448.787	448.889	101.400
AE.821236	- Vữa XM mác 150	m ³	1.460.996	448.889	101.400
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.821241	- Vữa XM mác 25	m ³	1.392.803	469.410	154.345
AE.821242	- Vữa XM mác 50	m ³	1.408.241	469.410	154.345
AE.821243	- Vữa XM mác 75	m ³	1.421.759	469.410	154.345
AE.821244	- Vữa XM mác 100	m ³	1.435.833	469.410	154.345
AE.821245	- Vữa XM mác 125	m ³	1.448.787	469.410	154.345
AE.821246	- Vữa XM mác 150	m ³	1.460.996	469.410	154.345

AE.82130 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (17 x 15 x 39)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thẳng gạch 17x15x39cm Chiều dày 17cm Chiều cao ≤ 6m				
AE.821311	- Vữa XM mác 25	m ³	1.373.340	428.368	5.451
AE.821312	- Vữa XM mác 50	m ³	1.389.380	428.368	5.451
AE.821313	- Vữa XM mác 75	m ³	1.403.426	428.368	5.451
AE.821314	- Vữa XM mác 100	m ³	1.418.049	428.368	5.451
AE.821315	- Vữa XM mác 125	m ³	1.431.509	428.368	5.451
AE.821316	- Vữa XM mác 150	m ³	1.444.196	428.368	5.451
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.821321	- Vữa XM mác 25	m ³	1.373.340	441.194	51.644
AE.821322	- Vữa XM mác 50	m ³	1.389.380	441.194	51.644
AE.821323	- Vữa XM mác 75	m ³	1.403.426	441.194	51.644
AE.821324	- Vữa XM mác 100	m ³	1.418.049	441.194	51.644
AE.821325	- Vữa XM mác 125	m ³	1.431.509	441.194	51.644
AE.821326	- Vữa XM mác 150	m ³	1.444.196	441.194	51.644
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.821331	- Vữa XM mác 25	m ³	1.373.340	482.235	101.687
AE.821332	- Vữa XM mác 50	m ³	1.389.380	482.235	101.687
AE.821333	- Vữa XM mác 75	m ³	1.403.426	482.235	101.687
AE.821334	- Vữa XM mác 100	m ³	1.418.049	482.235	101.687
AE.821335	- Vữa XM mác 125	m ³	1.431.509	482.235	101.687
AE.821336	- Vữa XM mác 150	m ³	1.444.196	482.235	101.687
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.821341	- Vữa XM mác 25	m ³	1.373.340	505.321	154.631
AE.821342	- Vữa XM mác 50	m ³	1.389.380	505.321	154.631
AE.821343	- Vữa XM mác 75	m ³	1.403.426	505.321	154.631
AE.821344	- Vữa XM mác 100	m ³	1.418.049	505.321	154.631
AE.821345	- Vữa XM mác 125	m ³	1.431.509	505.321	154.631
AE.821346	- Vữa XM mác 150	m ³	1.444.196	505.321	154.631

AE.82140 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (15 x 15 x 39)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch 15x15x39cm Chiều dày 15cm Chiều cao ≤ 6m				
AE.821411	- Vữa XM mác 25	m ³	1.378.769	436.064	5.451
AE.821412	- Vữa XM mác 50	m ³	1.394.808	436.064	5.451
AE.821413	- Vữa XM mác 75	m ³	1.408.855	436.064	5.451
AE.821414	- Vữa XM mác 100	m ³	1.423.478	436.064	5.451
AE.821415	- Vữa XM mác 125	m ³	1.436.938	436.064	5.451
AE.821416	- Vữa XM mác 150	m ³	1.449.625	436.064	5.451
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.821421	- Vữa XM mác 25	m ³	1.378.769	448.889	51.644
AE.821422	- Vữa XM mác 50	m ³	1.394.808	448.889	51.644
AE.821423	- Vữa XM mác 75	m ³	1.408.855	448.889	51.644
AE.821424	- Vữa XM mác 100	m ³	1.423.478	448.889	51.644
AE.821425	- Vữa XM mác 125	m ³	1.436.938	448.889	51.644
AE.821426	- Vữa XM mác 150	m ³	1.449.625	448.889	51.644
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.821431	- Vữa XM mác 25	m ³	1.378.769	495.060	101.687
AE.821432	- Vữa XM mác 50	m ³	1.394.808	495.060	101.687
AE.821433	- Vữa XM mác 75	m ³	1.408.855	495.060	101.687
AE.821434	- Vữa XM mác 100	m ³	1.423.478	495.060	101.687
AE.821435	- Vữa XM mác 125	m ³	1.436.938	495.060	101.687
AE.821436	- Vữa XM mác 150	m ³	1.449.625	495.060	101.687
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.821441	- Vữa XM mác 25	m ³	1.378.769	515.581	154.631
AE.821442	- Vữa XM mác 50	m ³	1.394.808	515.581	154.631
AE.821443	- Vữa XM mác 75	m ³	1.408.855	515.581	154.631
AE.821444	- Vữa XM mác 100	m ³	1.423.478	515.581	154.631
AE.821445	- Vữa XM mác 125	m ³	1.436.938	515.581	154.631
AE.821446	- Vữa XM mác 150	m ³	1.449.625	515.581	154.631

AE.82150 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (13 x 15 x 39)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch 13x15x39cm Chiều dày 13cm Chiều cao ≤ 6m				
AE.821511	- Vữa XM mác 25	m ³	1.387.577	443.759	5.451
AE.821512	- Vữa XM mác 50	m ³	1.403.499	443.759	5.451
AE.821513	- Vữa XM mác 75	m ³	1.417.438	443.759	5.451
AE.821514	- Vữa XM mác 100	m ³	1.431.952	443.759	5.451
AE.821515	- Vữa XM mác 125	m ³	1.445.312	443.759	5.451
AE.821516	- Vữa XM mác 150	m ³	1.457.902	443.759	5.451
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.821521	- Vữa XM mác 25	m ³	1.387.577	459.149	51.644
AE.821522	- Vữa XM mác 50	m ³	1.403.499	459.149	51.644
AE.821523	- Vữa XM mác 75	m ³	1.417.438	459.149	51.644
AE.821524	- Vữa XM mác 100	m ³	1.431.952	459.149	51.644
AE.821525	- Vữa XM mác 125	m ³	1.445.312	459.149	51.644
AE.821526	- Vữa XM mác 150	m ³	1.457.902	459.149	51.644
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.821531	- Vữa XM mác 25	m ³	1.387.577	502.756	101.687
AE.821532	- Vữa XM mác 50	m ³	1.403.499	502.756	101.687
AE.821533	- Vữa XM mác 75	m ³	1.417.438	502.756	101.687
AE.821534	- Vữa XM mác 100	m ³	1.431.952	502.756	101.687
AE.821535	- Vữa XM mác 125	m ³	1.445.312	502.756	101.687
AE.821536	- Vữa XM mác 150	m ³	1.457.902	502.756	101.687
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.821541	- Vữa XM mác 25	m ³	1.387.577	523.276	154.631
AE.821542	- Vữa XM mác 50	m ³	1.403.499	523.276	154.631
AE.821543	- Vữa XM mác 75	m ³	1.417.438	523.276	154.631
AE.821544	- Vữa XM mác 100	m ³	1.431.952	523.276	154.631
AE.821545	- Vữa XM mác 125	m ³	1.445.312	523.276	154.631
AE.821546	- Vữa XM mác 150	m ³	1.457.902	523.276	154.631

AE.82160 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (10 x 15 x 39)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch 10x15x39cm Chiều dày 10cm Chiều cao ≤ 6m				
AE.821611	- Vữa XM mác 25	m ³	1.379.276	471.975	5.451
AE.821612	- Vữa XM mác 50	m ³	1.395.438	471.975	5.451
AE.821613	- Vữa XM mác 75	m ³	1.409.589	471.975	5.451
AE.821614	- Vữa XM mác 100	m ³	1.424.324	471.975	5.451
AE.821615	- Vữa XM mác 125	m ³	1.437.884	471.975	5.451
AE.821616	- Vữa XM mác 150	m ³	1.450.666	471.975	5.451
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.821621	- Vữa XM mác 25	m ³	1.379.276	484.800	51.644
AE.821622	- Vữa XM mác 50	m ³	1.395.438	484.800	51.644
AE.821623	- Vữa XM mác 75	m ³	1.409.589	484.800	51.644
AE.821624	- Vữa XM mác 100	m ³	1.424.324	484.800	51.644
AE.821625	- Vữa XM mác 125	m ³	1.437.884	484.800	51.644
AE.821626	- Vữa XM mác 150	m ³	1.450.666	484.800	51.644
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.821631	- Vữa XM mác 25	m ³	1.379.276	533.537	101.687
AE.821632	- Vữa XM mác 50	m ³	1.395.438	533.537	101.687
AE.821633	- Vữa XM mác 75	m ³	1.409.589	533.537	101.687
AE.821634	- Vữa XM mác 100	m ³	1.424.324	533.537	101.687
AE.821635	- Vữa XM mác 125	m ³	1.437.884	533.537	101.687
AE.821636	- Vữa XM mác 150	m ³	1.450.666	533.537	101.687
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.821641	- Vữa XM mác 25	m ³	1.379.276	556.622	154.631
AE.821642	- Vữa XM mác 50	m ³	1.395.438	556.622	154.631
AE.821643	- Vữa XM mác 75	m ³	1.409.589	556.622	154.631
AE.821644	- Vữa XM mác 100	m ³	1.424.324	556.622	154.631
AE.821645	- Vữa XM mác 125	m ³	1.437.884	556.622	154.631
AE.821646	- Vữa XM mác 150	m ³	1.450.666	556.622	154.631

AE.82170 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (9 x 15 x 39)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch 9x15x39cm Chiều dày 9cm Chiều cao ≤ 6m				
AE.821711	- Vữa XM mác 25	m ³	1.378.966	484.800	5.451
AE.821712	- Vữa XM mác 50	m ³	1.394.888	484.800	5.451
AE.821713	- Vữa XM mác 75	m ³	1.408.827	484.800	5.451
AE.821714	- Vữa XM mác 100	m ³	1.423.341	484.800	5.451
AE.821715	- Vữa XM mác 125	m ³	1.436.701	484.800	5.451
AE.821716	- Vữa XM mác 150	m ³	1.449.291	484.800	5.451
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.821721	- Vữa XM mác 25	m ³	1.378.966	500.191	51.644
AE.821722	- Vữa XM mác 50	m ³	1.394.888	500.191	51.644
AE.821723	- Vữa XM mác 75	m ³	1.408.827	500.191	51.644
AE.821724	- Vữa XM mác 100	m ³	1.423.341	500.191	51.644
AE.821725	- Vữa XM mác 125	m ³	1.436.701	500.191	51.644
AE.821726	- Vữa XM mác 150	m ³	1.449.291	500.191	51.644
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.821731	- Vữa XM mác 25	m ³	1.378.966	548.927	101.687
AE.821732	- Vữa XM mác 50	m ³	1.394.888	548.927	101.687
AE.821733	- Vữa XM mác 75	m ³	1.408.827	548.927	101.687
AE.821734	- Vữa XM mác 100	m ³	1.423.341	548.927	101.687
AE.821735	- Vữa XM mác 125	m ³	1.436.701	548.927	101.687
AE.821736	- Vữa XM mác 150	m ³	1.449.291	548.927	101.687
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.821741	- Vữa XM mác 25	m ³	1.378.966	574.578	154.631
AE.821742	- Vữa XM mác 50	m ³	1.394.888	574.578	154.631
AE.821743	- Vữa XM mác 75	m ³	1.408.827	574.578	154.631
AE.821744	- Vữa XM mác 100	m ³	1.423.341	574.578	154.631
AE.821745	- Vữa XM mác 125	m ³	1.436.701	574.578	154.631
AE.821746	- Vữa XM mác 150	m ³	1.449.291	574.578	154.631

AE.82180 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (20 x 13 x 39)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch 20x13x39cm Chiều dày 20cm Chiều cao ≤ 6m				
AE.821811	- Vữa XM mác 25	m ³	1.194.956	397.587	4.303
AE.821812	- Vữa XM mác 50	m ³	1.208.101	397.587	4.303
AE.821813	- Vữa XM mác 75	m ³	1.219.613	397.587	4.303
AE.821814	- Vữa XM mác 100	m ³	1.231.598	397.587	4.303
AE.821815	- Vữa XM mác 125	m ³	1.242.628	397.587	4.303
AE.821816	- Vữa XM mác 150	m ³	1.253.026	397.587	4.303
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.821821	- Vữa XM mác 25	m ³	1.194.956	410.413	50.496
AE.821822	- Vữa XM mác 50	m ³	1.208.101	410.413	50.496
AE.821823	- Vữa XM mác 75	m ³	1.219.613	410.413	50.496
AE.821824	- Vữa XM mác 100	m ³	1.231.598	410.413	50.496
AE.821825	- Vữa XM mác 125	m ³	1.242.628	410.413	50.496
AE.821826	- Vữa XM mác 150	m ³	1.253.026	410.413	50.496
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.821831	- Vữa XM mác 25	m ³	1.194.956	451.454	100.539
AE.821832	- Vữa XM mác 50	m ³	1.208.101	451.454	100.539
AE.821833	- Vữa XM mác 75	m ³	1.219.613	451.454	100.539
AE.821834	- Vữa XM mác 100	m ³	1.231.598	451.454	100.539
AE.821835	- Vữa XM mác 125	m ³	1.242.628	451.454	100.539
AE.821836	- Vữa XM mác 150	m ³	1.253.026	451.454	100.539
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.821841	- Vữa XM mác 25	m ³	1.194.956	469.410	153.484
AE.821842	- Vữa XM mác 50	m ³	1.208.101	469.410	153.484
AE.821843	- Vữa XM mác 75	m ³	1.219.613	469.410	153.484
AE.821844	- Vữa XM mác 100	m ³	1.231.598	469.410	153.484
AE.821845	- Vữa XM mác 125	m ³	1.242.628	469.410	153.484
AE.821846	- Vữa XM mác 150	m ³	1.253.026	469.410	153.484

AE.82190 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (17 x 13 x 39)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch 17x13x39cm Chiều dày 17cm Chiều cao ≤ 6m				
AE.821911	- Vữa XM mác 25	m ³	1.374.719	438.629	5.739
AE.821912	- Vữa XM mác 50	m ³	1.392.088	438.629	5.739
AE.821913	- Vữa XM mác 75	m ³	1.407.295	438.629	5.739
AE.821914	- Vữa XM mác 100	m ³	1.423.128	438.629	5.739
AE.821915	- Vữa XM mác 125	m ³	1.437.701	438.629	5.739
AE.821916	- Vữa XM mác 150	m ³	1.451.436	438.629	5.739
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.821921	- Vữa XM mác 25	m ³	1.374.719	454.019	51.931
AE.821922	- Vữa XM mác 50	m ³	1.392.088	454.019	51.931
AE.821923	- Vữa XM mác 75	m ³	1.407.295	454.019	51.931
AE.821924	- Vữa XM mác 100	m ³	1.423.128	454.019	51.931
AE.821925	- Vữa XM mác 125	m ³	1.437.701	454.019	51.931
AE.821926	- Vữa XM mác 150	m ³	1.451.436	454.019	51.931
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.821931	- Vữa XM mác 25	m ³	1.374.719	497.626	101.974
AE.821932	- Vữa XM mác 50	m ³	1.392.088	497.626	101.974
AE.821933	- Vữa XM mác 75	m ³	1.407.295	497.626	101.974
AE.821934	- Vữa XM mác 100	m ³	1.423.128	497.626	101.974
AE.821935	- Vữa XM mác 125	m ³	1.437.701	497.626	101.974
AE.821936	- Vữa XM mác 150	m ³	1.451.436	497.626	101.974
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.821941	- Vữa XM mác 25	m ³	1.374.719	518.146	154.919
AE.821942	- Vữa XM mác 50	m ³	1.392.088	518.146	154.919
AE.821943	- Vữa XM mác 75	m ³	1.407.295	518.146	154.919
AE.821944	- Vữa XM mác 100	m ³	1.423.128	518.146	154.919
AE.821945	- Vữa XM mác 125	m ³	1.437.701	518.146	154.919
AE.821946	- Vữa XM mác 150	m ³	1.451.436	518.146	154.919

AE.82200 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (15 x 13 x 39)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch 15x13x39cm Chiều dày 15cm Chiều cao ≤ 6m				
AE.822011	- Vữa XM mác 25	m ³	1.372.824	441.194	6.025
AE.822012	- Vữa XM mác 50	m ³	1.390.553	441.194	6.025
AE.822013	- Vữa XM mác 75	m ³	1.406.077	441.194	6.025
AE.822014	- Vữa XM mác 100	m ³	1.422.242	441.194	6.025
AE.822015	- Vữa XM mác 125	m ³	1.437.118	441.194	6.025
AE.822016	- Vữa XM mác 150	m ³	1.451.139	441.194	6.025
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.822021	- Vữa XM mác 25	m ³	1.372.824	456.584	52.218
AE.822022	- Vữa XM mác 50	m ³	1.390.553	456.584	52.218
AE.822023	- Vữa XM mác 75	m ³	1.406.077	456.584	52.218
AE.822024	- Vữa XM mác 100	m ³	1.422.242	456.584	52.218
AE.822025	- Vữa XM mác 125	m ³	1.437.118	456.584	52.218
AE.822026	- Vữa XM mác 150	m ³	1.451.139	456.584	52.218
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.822031	- Vữa XM mác 25	m ³	1.372.824	500.191	102.261
AE.822032	- Vữa XM mác 50	m ³	1.390.553	500.191	102.261
AE.822033	- Vữa XM mác 75	m ³	1.406.077	500.191	102.261
AE.822034	- Vữa XM mác 100	m ³	1.422.242	500.191	102.261
AE.822035	- Vữa XM mác 125	m ³	1.437.118	500.191	102.261
AE.822036	- Vữa XM mác 150	m ³	1.451.139	500.191	102.261
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.822041	- Vữa XM mác 25	m ³	1.372.824	520.711	155.205
AE.822042	- Vữa XM mác 50	m ³	1.390.553	520.711	155.205
AE.822043	- Vữa XM mác 75	m ³	1.406.077	520.711	155.205
AE.822044	- Vữa XM mác 100	m ³	1.422.242	520.711	155.205
AE.822045	- Vữa XM mác 125	m ³	1.437.118	520.711	155.205
AE.822046	- Vữa XM mác 150	m ³	1.451.139	520.711	155.205

AE.82210 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (14 x 13 x 39)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch 14x13x39cm Chiều dày 14cm Chiều cao ≤ 6m				
AE.822111	- Vữa XM mác 25	m ³	1.371.911	456.584	6.025
AE.822112	- Vữa XM mác 50	m ³	1.389.280	456.584	6.025
AE.822113	- Vữa XM mác 75	m ³	1.404.487	456.584	6.025
AE.822114	- Vữa XM mác 100	m ³	1.420.320	456.584	6.025
AE.822115	- Vữa XM mác 125	m ³	1.434.893	456.584	6.025
AE.822116	- Vữa XM mác 150	m ³	1.448.628	456.584	6.025
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.822121	- Vữa XM mác 25	m ³	1.371.911	469.410	52.218
AE.822122	- Vữa XM mác 50	m ³	1.389.280	469.410	52.218
AE.822123	- Vữa XM mác 75	m ³	1.404.487	469.410	52.218
AE.822124	- Vữa XM mác 100	m ³	1.420.320	469.410	52.218
AE.822125	- Vữa XM mác 125	m ³	1.434.893	469.410	52.218
AE.822126	- Vữa XM mác 150	m ³	1.448.628	469.410	52.218
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.822131	- Vữa XM mác 25	m ³	1.371.911	515.581	102.261
AE.822132	- Vữa XM mác 50	m ³	1.389.280	515.581	102.261
AE.822133	- Vữa XM mác 75	m ³	1.404.487	515.581	102.261
AE.822134	- Vữa XM mác 100	m ³	1.420.320	515.581	102.261
AE.822135	- Vữa XM mác 125	m ³	1.434.893	515.581	102.261
AE.822136	- Vữa XM mác 150	m ³	1.448.628	515.581	102.261
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.822141	- Vữa XM mác 25	m ³	1.371.911	538.667	155.205
AE.822142	- Vữa XM mác 50	m ³	1.389.280	538.667	155.205
AE.822143	- Vữa XM mác 75	m ³	1.404.487	538.667	155.205
AE.822144	- Vữa XM mác 100	m ³	1.420.320	538.667	155.205
AE.822145	- Vữa XM mác 125	m ³	1.434.893	538.667	155.205
AE.822146	- Vữa XM mác 150	m ³	1.448.628	538.667	155.205

AE.82220 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (12 x 13 x 39)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch 12x13x39cm Chiều dày 12cm Chiều cao ≤ 6m				
AE.822211	- Vữa XM mác 25	m ³	1.369.600	466.845	6.025
AE.822212	- Vữa XM mác 50	m ³	1.387.209	466.845	6.025
AE.822213	- Vữa XM mác 75	m ³	1.402.627	466.845	6.025
AE.822214	- Vữa XM mác 100	m ³	1.418.682	466.845	6.025
AE.822215	- Vữa XM mác 125	m ³	1.433.458	466.845	6.025
AE.822216	- Vữa XM mác 150	m ³	1.447.384	466.845	6.025
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.822221	- Vữa XM mác 25	m ³	1.369.600	479.670	52.218
AE.822222	- Vữa XM mác 50	m ³	1.387.209	479.670	52.218
AE.822223	- Vữa XM mác 75	m ³	1.402.627	479.670	52.218
AE.822224	- Vữa XM mác 100	m ³	1.418.682	479.670	52.218
AE.822225	- Vữa XM mác 125	m ³	1.433.458	479.670	52.218
AE.822226	- Vữa XM mác 150	m ³	1.447.384	479.670	52.218
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.822231	- Vữa XM mác 25	m ³	1.369.600	525.841	102.261
AE.822232	- Vữa XM mác 50	m ³	1.387.209	525.841	102.261
AE.822233	- Vữa XM mác 75	m ³	1.402.627	525.841	102.261
AE.822234	- Vữa XM mác 100	m ³	1.418.682	525.841	102.261
AE.822235	- Vữa XM mác 125	m ³	1.433.458	525.841	102.261
AE.822236	- Vữa XM mác 150	m ³	1.447.384	525.841	102.261
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.822241	- Vữa XM mác 25	m ³	1.369.600	551.492	155.205
AE.822242	- Vữa XM mác 50	m ³	1.387.209	551.492	155.205
AE.822243	- Vữa XM mác 75	m ³	1.402.627	551.492	155.205
AE.822244	- Vữa XM mác 100	m ³	1.418.682	551.492	155.205
AE.822245	- Vữa XM mác 125	m ³	1.433.458	551.492	155.205
AE.822246	- Vữa XM mác 150	m ³	1.447.384	551.492	155.205

AE.82230 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (10 x 13 x 39)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch 10x13x39cm Chiều dày 10cm Chiều cao ≤ 6m				
AE.822311	- Vữa XM mác 25	m ³	1.368.602	495.060	6.025
AE.822312	- Vữa XM mác 50	m ³	1.386.330	495.060	6.025
AE.822313	- Vữa XM mác 75	m ³	1.401.854	495.060	6.025
AE.822314	- Vữa XM mác 100	m ³	1.418.019	495.060	6.025
AE.822315	- Vữa XM mác 125	m ³	1.432.895	495.060	6.025
AE.822316	- Vữa XM mác 150	m ³	1.446.917	495.060	6.025
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.822321	- Vữa XM mác 25	m ³	1.368.602	507.886	52.218
AE.822322	- Vữa XM mác 50	m ³	1.386.330	507.886	52.218
AE.822323	- Vữa XM mác 75	m ³	1.401.854	507.886	52.218
AE.822324	- Vữa XM mác 100	m ³	1.418.019	507.886	52.218
AE.822325	- Vữa XM mác 125	m ³	1.432.895	507.886	52.218
AE.822326	- Vữa XM mác 150	m ³	1.446.917	507.886	52.218
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.822331	- Vữa XM mác 25	m ³	1.368.602	556.622	102.261
AE.822332	- Vữa XM mác 50	m ³	1.386.330	556.622	102.261
AE.822333	- Vữa XM mác 75	m ³	1.401.854	556.622	102.261
AE.822334	- Vữa XM mác 100	m ³	1.418.019	556.622	102.261
AE.822335	- Vữa XM mác 125	m ³	1.432.895	556.622	102.261
AE.822336	- Vữa XM mác 150	m ³	1.446.917	556.622	102.261
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.822341	- Vữa XM mác 25	m ³	1.368.602	582.273	155.205
AE.822342	- Vữa XM mác 50	m ³	1.386.330	582.273	155.205
AE.822343	- Vữa XM mác 75	m ³	1.401.854	582.273	155.205
AE.822344	- Vữa XM mác 100	m ³	1.418.019	582.273	155.205
AE.822345	- Vữa XM mác 125	m ³	1.432.895	582.273	155.205
AE.822346	- Vữa XM mác 150	m ³	1.446.917	582.273	155.205

AE.82240 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (8 x 13 x 39)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thẳng gạch 8x13x39cm Chiều dày 8cm Chiều cao ≤ 6m				
AE.822411	- Vữa XM mác 25	m ³	1.368.799	505.321	6.025
AE.822412	- Vữa XM mác 50	m ³	1.386.408	505.321	6.025
AE.822413	- Vữa XM mác 75	m ³	1.401.826	505.321	6.025
AE.822414	- Vữa XM mác 100	m ³	1.417.881	505.321	6.025
AE.822415	- Vữa XM mác 125	m ³	1.432.657	505.321	6.025
AE.822416	- Vữa XM mác 150	m ³	1.446.583	505.321	6.025
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.822421	- Vữa XM mác 25	m ³	1.368.799	520.711	52.218
AE.822422	- Vữa XM mác 50	m ³	1.386.408	520.711	52.218
AE.822423	- Vữa XM mác 75	m ³	1.401.826	520.711	52.218
AE.822424	- Vữa XM mác 100	m ³	1.417.881	520.711	52.218
AE.822425	- Vữa XM mác 125	m ³	1.432.657	520.711	52.218
AE.822426	- Vữa XM mác 150	m ³	1.446.583	520.711	52.218
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.822431	- Vữa XM mác 25	m ³	1.368.799	572.013	102.261
AE.822432	- Vữa XM mác 50	m ³	1.386.408	572.013	102.261
AE.822433	- Vữa XM mác 75	m ³	1.401.826	572.013	102.261
AE.822434	- Vữa XM mác 100	m ³	1.417.881	572.013	102.261
AE.822435	- Vữa XM mác 125	m ³	1.432.657	572.013	102.261
AE.822436	- Vữa XM mác 150	m ³	1.446.583	572.013	102.261
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.822441	- Vữa XM mác 25	m ³	1.368.799	595.099	155.205
AE.822442	- Vữa XM mác 50	m ³	1.386.408	595.099	155.205
AE.822443	- Vữa XM mác 75	m ³	1.401.826	595.099	155.205
AE.822444	- Vữa XM mác 100	m ³	1.417.881	595.099	155.205
AE.822445	- Vữa XM mác 125	m ³	1.432.657	595.099	155.205
AE.822446	- Vữa XM mác 150	m ³	1.446.583	595.099	155.205

AE.82250 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (10,5 x 13 x 22)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch 10,5x13x22cm Chiều dày 10,5cm Chiều cao ≤ 6m				
AE.822511	- Vữa XM mác 25	m ³	1.351.875	510.451	6.599
AE.822512	- Vữa XM mác 50	m ³	1.372.016	510.451	6.599
AE.822513	- Vữa XM mác 75	m ³	1.389.652	510.451	6.599
AE.822514	- Vữa XM mác 100	m ³	1.408.015	510.451	6.599
AE.822515	- Vữa XM mác 125	m ³	1.424.915	510.451	6.599
AE.822516	- Vữa XM mác 150	m ³	1.440.845	510.451	6.599
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.822521	- Vữa XM mác 25	m ³	1.351.875	525.841	52.792
AE.822522	- Vữa XM mác 50	m ³	1.372.016	525.841	52.792
AE.822523	- Vữa XM mác 75	m ³	1.389.652	525.841	52.792
AE.822524	- Vữa XM mác 100	m ³	1.408.015	525.841	52.792
AE.822525	- Vữa XM mác 125	m ³	1.424.915	525.841	52.792
AE.822526	- Vữa XM mác 150	m ³	1.440.845	525.841	52.792
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.822531	- Vữa XM mác 25	m ³	1.351.875	577.143	102.835
AE.822532	- Vữa XM mác 50	m ³	1.372.016	577.143	102.835
AE.822533	- Vữa XM mác 75	m ³	1.389.652	577.143	102.835
AE.822534	- Vữa XM mác 100	m ³	1.408.015	577.143	102.835
AE.822535	- Vữa XM mác 125	m ³	1.424.915	577.143	102.835
AE.822536	- Vữa XM mác 150	m ³	1.440.845	577.143	102.835
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.822541	- Vữa XM mác 25	m ³	1.351.875	600.229	155.779
AE.822542	- Vữa XM mác 50	m ³	1.372.016	600.229	155.779
AE.822543	- Vữa XM mác 75	m ³	1.389.652	600.229	155.779
AE.822544	- Vữa XM mác 100	m ³	1.408.015	600.229	155.779
AE.822545	- Vữa XM mác 125	m ³	1.424.915	600.229	155.779
AE.822546	- Vữa XM mác 150	m ³	1.440.845	600.229	155.779

AE.82260 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (10,5 x 6 x 22)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch 10,5x6x22cm Chiều dày 10,5cm Chiều cao ≤ 6m				
AE.822611	- Vữa XM mác 25	m ³	1.243.035	577.143	9.756
AE.822612	- Vữa XM mác 50	m ³	1.275.237	577.143	9.756
AE.822613	- Vữa XM mác 75	m ³	1.303.434	577.143	9.756
AE.822614	- Vữa XM mác 100	m ³	1.332.792	577.143	9.756
AE.822615	- Vữa XM mác 125	m ³	1.359.814	577.143	9.756
AE.822616	- Vữa XM mác 150	m ³	1.385.280	577.143	9.756
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.822621	- Vữa XM mác 25	m ³	1.243.035	592.533	55.948
AE.822622	- Vữa XM mác 50	m ³	1.275.237	592.533	55.948
AE.822623	- Vữa XM mác 75	m ³	1.303.434	592.533	55.948
AE.822624	- Vữa XM mác 100	m ³	1.332.792	592.533	55.948
AE.822625	- Vữa XM mác 125	m ³	1.359.814	592.533	55.948
AE.822626	- Vữa XM mác 150	m ³	1.385.280	592.533	55.948
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.822631	- Vữa XM mác 25	m ³	1.243.035	651.530	105.991
AE.822632	- Vữa XM mác 50	m ³	1.275.237	651.530	105.991
AE.822633	- Vữa XM mác 75	m ³	1.303.434	651.530	105.991
AE.822634	- Vữa XM mác 100	m ³	1.332.792	651.530	105.991
AE.822635	- Vữa XM mác 125	m ³	1.359.814	651.530	105.991
AE.822636	- Vữa XM mác 150	m ³	1.385.280	651.530	105.991
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.822641	- Vữa XM mác 25	m ³	1.243.035	679.746	158.936
AE.822642	- Vữa XM mác 50	m ³	1.275.237	679.746	158.936
AE.822643	- Vữa XM mác 75	m ³	1.303.434	679.746	158.936
AE.822644	- Vữa XM mác 100	m ³	1.332.792	679.746	158.936
AE.822645	- Vữa XM mác 125	m ³	1.359.814	679.746	158.936
AE.822646	- Vữa XM mác 150	m ³	1.385.280	679.746	158.936

AE.82270 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (10 x 6 x 21)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch 10x6x21cm Chiều dày 10cm Chiều cao ≤ 6m				
AE.822711	- Vữa XM mác 25	m ³	1.247.992	610.489	9.756
AE.822712	- Vữa XM mác 50	m ³	1.280.556	610.489	9.756
AE.822713	- Vữa XM mác 75	m ³	1.309.071	610.489	9.756
AE.822714	- Vữa XM mác 100	m ³	1.338.759	610.489	9.756
AE.822715	- Vữa XM mác 125	m ³	1.366.082	610.489	9.756
AE.822716	- Vữa XM mác 150	m ³	1.391.836	610.489	9.756
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.822721	- Vữa XM mác 25	m ³	1.247.992	628.445	55.948
AE.822722	- Vữa XM mác 50	m ³	1.280.556	628.445	55.948
AE.822723	- Vữa XM mác 75	m ³	1.309.071	628.445	55.948
AE.822724	- Vữa XM mác 100	m ³	1.338.759	628.445	55.948
AE.822725	- Vữa XM mác 125	m ³	1.366.082	628.445	55.948
AE.822726	- Vữa XM mác 150	m ³	1.391.836	628.445	55.948
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.822731	- Vữa XM mác 25	m ³	1.247.992	690.007	105.991
AE.822732	- Vữa XM mác 50	m ³	1.280.556	690.007	105.991
AE.822733	- Vữa XM mác 75	m ³	1.309.071	690.007	105.991
AE.822734	- Vữa XM mác 100	m ³	1.338.759	690.007	105.991
AE.822735	- Vữa XM mác 125	m ³	1.366.082	690.007	105.991
AE.822736	- Vữa XM mác 150	m ³	1.391.836	690.007	105.991
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.822741	- Vữa XM mác 25	m ³	1.247.992	718.222	158.936
AE.822742	- Vữa XM mác 50	m ³	1.280.556	718.222	158.936
AE.822743	- Vữa XM mác 75	m ³	1.309.071	718.222	158.936
AE.822744	- Vữa XM mác 100	m ³	1.338.759	718.222	158.936
AE.822745	- Vữa XM mác 125	m ³	1.366.082	718.222	158.936
AE.822746	- Vữa XM mác 150	m ³	1.391.836	718.222	158.936

AE.82280 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (9,5 x 6 x 20)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch 9,5x6x20cm Chiều dày 9,5cm Chiều cao ≤ 6m				
AE.822811	- Vữa XM mác 25	m ³	1.241.060	633.575	10.042
AE.822812	- Vữa XM mác 50	m ³	1.274.107	633.575	10.042
AE.822813	- Vữa XM mác 75	m ³	1.303.044	633.575	10.042
AE.822814	- Vữa XM mác 100	m ³	1.333.172	633.575	10.042
AE.822815	- Vữa XM mác 125	m ³	1.360.901	633.575	10.042
AE.822816	- Vữa XM mác 150	m ³	1.387.036	633.575	10.042
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.822821	- Vữa XM mác 25	m ³	1.241.060	654.095	56.235
AE.822822	- Vữa XM mác 50	m ³	1.274.107	654.095	56.235
AE.822823	- Vữa XM mác 75	m ³	1.303.044	654.095	56.235
AE.822824	- Vữa XM mác 100	m ³	1.333.172	654.095	56.235
AE.822825	- Vữa XM mác 125	m ³	1.360.901	654.095	56.235
AE.822826	- Vữa XM mác 150	m ³	1.387.036	654.095	56.235
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.822831	- Vữa XM mác 25	m ³	1.241.060	715.657	106.278
AE.822832	- Vữa XM mác 50	m ³	1.274.107	715.657	106.278
AE.822833	- Vữa XM mác 75	m ³	1.303.044	715.657	106.278
AE.822834	- Vữa XM mác 100	m ³	1.333.172	715.657	106.278
AE.822835	- Vữa XM mác 125	m ³	1.360.901	715.657	106.278
AE.822836	- Vữa XM mác 150	m ³	1.387.036	715.657	106.278
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.822841	- Vữa XM mác 25	m ³	1.241.060	749.003	159.222
AE.822842	- Vữa XM mác 50	m ³	1.274.107	749.003	159.222
AE.822843	- Vữa XM mác 75	m ³	1.303.044	749.003	159.222
AE.822844	- Vữa XM mác 100	m ³	1.333.172	749.003	159.222
AE.822845	- Vữa XM mác 125	m ³	1.360.901	749.003	159.222
AE.822846	- Vữa XM mác 150	m ³	1.387.036	749.003	159.222

Ghi chú: Đối với công tác xây tường gạch bê tông mã hiệu AE.82260, AE.82270, AE.82280. Trường hợp xây các bộ phận kết cấu khác thì chi phí nhân công được nhân với hệ số 1,2.

AE.83000 XÂY TƯỜNG THÔNG GIÓĐơn vị tính: đồng/1m²

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thông gió				
	Gạch thông gió 20x20cm				
AE.83111	- Vữa XM mác 25	m ²	110.181	151.340	
AE.83112	- Vữa XM mác 50	m ²	110.910	151.340	
AE.83113	- Vữa XM mác 75	m ²	111.551	151.340	
AE.83114	- Vữa XM mác 100	m ²	112.217	151.340	
AE.83115	- Vữa XM mác 125	m ²	112.829	151.340	
	Gạch thông gió 30x30cm				
AE.83211	- Vữa XM mác 25	m ²	99.526	166.730	
AE.83212	- Vữa XM mác 50	m ²	100.220	166.730	
AE.83213	- Vữa XM mác 75	m ²	100.827	166.730	
AE.83214	- Vữa XM mác 100	m ²	101.460	166.730	
AE.83215	- Vữa XM mác 125	m ²	102.043	166.730	

AE.84000 XÂY TƯỜNG GẠCH SILICÁT (6,5 x 12 x 25)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường gạch silicat 6,5x12x25 cm Chiều dày ≤ 33cm Chiều cao ≤ 6m				
AE.84111	- Vữa XM mác 25	m ³	742.524	543.797	9.756
AE.84112	- Vữa XM mác 50	m ³	775.035	543.797	9.756
AE.84113	- Vữa XM mác 75	m ³	803.504	543.797	9.756
AE.84114	- Vữa XM mác 100	m ³	833.145	543.797	9.756
AE.84115	- Vữa XM mác 125	m ³	860.426	543.797	9.756
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.84121	- Vữa XM mác 25	m ³	742.524	582.273	55.948
AE.84122	- Vữa XM mác 50	m ³	775.035	582.273	55.948
AE.84123	- Vữa XM mác 75	m ³	803.504	582.273	55.948
AE.84124	- Vữa XM mác 100	m ³	833.145	582.273	55.948
AE.84125	- Vữa XM mác 125	m ³	860.426	582.273	55.948
	Chiều dày > 33cm Chiều cao ≤ 6m				
AE.84211	- Vữa XM mác 25	m ³	733.153	464.279	9.756
AE.84212	- Vữa XM mác 50	m ³	766.152	464.279	9.756
AE.84213	- Vữa XM mác 75	m ³	795.047	464.279	9.756
AE.84214	- Vữa XM mác 100	m ³	825.131	464.279	9.756
AE.84215	- Vữa XM mác 125	m ³	852.822	464.279	9.756
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.84221	- Vữa XM mác 25	m ³	733.153	510.451	55.948
AE.84222	- Vữa XM mác 50	m ³	766.152	510.451	55.948
AE.84223	- Vữa XM mác 75	m ³	795.047	510.451	55.948
AE.84224	- Vữa XM mác 100	m ³	825.131	510.451	55.948
AE.84225	- Vữa XM mác 125	m ³	852.822	510.451	55.948

AE.85000 ÷ AE.87000 XÂY GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ÁP (AAC) BẰNG VỮA XÂY BÊ TÔNG NHẸ

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, lắp và tháo dỡ dàn giáo xây, trộn vữa bê tông nhẹ, cưa, cắt gạch, xây theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m. (Vật liệu làm dàn giáo đã tính trong đơn giá).

- Đơn giá chưa bao gồm công tác sản xuất lắp dựng râu thép, thép giằng gia cố.

AE.85100 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (7,5 x 10 x 60)CM

Đơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thẳng				
	Chiều dày 7,5cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.85111	- Vữa mác 50	m ³	1.443.845	366.806	
AE.85112	- Vữa mác 75	m ³	1.446.043	366.806	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.85121	- Vữa mác 50	m ³	1.443.845	400.152	46.193
AE.85122	- Vữa mác 75	m ³	1.446.043	400.152	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.85131	- Vữa mác 50	m ³	1.443.845	441.194	96.236
AE.85132	- Vữa mác 75	m ³	1.446.043	441.194	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.85141	- Vữa mác 50	m ³	1.443.845	461.714	149.180
AE.85142	- Vữa mác 75	m ³	1.446.043	461.714	149.180
	Chiều dày 10cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.85151	- Vữa mác 50	m ³	1.515.212	359.111	
AE.85152	- Vữa mác 75	m ³	1.518.033	359.111	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.85161	- Vữa mác 50	m ³	1.515.212	392.457	46.193
AE.85162	- Vữa mác 75	m ³	1.518.033	392.457	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.85171	- Vữa mác 50	m ³	1.515.212	430.933	96.236

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
AE.85172	- Vữa mác 75 Chiều cao $\leq 200m$	m ³	1.518.033	430.933	96.236
AE.85181	- Vữa mác 50	m ³	1.515.212	448.889	149.180
AE.85182	- Vữa mác 75	m ³	1.518.033	448.889	149.180

AE.85200 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (10 x 10 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch bê tông khí chưng áp AAC 10x10x60cm Chiều dày 10cm Chiều cao $\leq 6m$				
AE.85211	- Vữa mác 50	m ³	1.443.845	343.721	
AE.85212	- Vữa mác 75	m ³	1.446.043	343.721	
	Chiều cao $\leq 28m$				
AE.85221	- Vữa mác 50	m ³	1.443.845	374.502	46.193
AE.85222	- Vữa mác 75	m ³	1.446.043	374.502	46.193
	Chiều cao $\leq 100m$				
AE.85231	- Vữa mác 50	m ³	1.443.845	412.978	96.236
AE.85232	- Vữa mác 75	m ³	1.446.043	412.978	96.236
	Chiều cao $\leq 200m$				
AE.85241	- Vữa mác 50	m ³	1.443.845	428.368	149.180
AE.85242	- Vữa mác 75	m ³	1.446.043	428.368	149.180

AE.85300 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (12,5 x 10 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thẳng gạch bê tông khí chưng áp AAC 12,5x10x60cm				
	Chiều dày 12,5cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.85311	- Vữa mác 50	m ³	1.442.060	351.416	
AE.85312	- Vữa mác 75	m ³	1.444.258	351.416	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.85321	- Vữa mác 50	m ³	1.442.060	379.632	46.193
AE.85322	- Vữa mác 75	m ³	1.444.258	379.632	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.85331	- Vữa mác 50	m ³	1.442.060	415.543	96.236
AE.85332	- Vữa mác 75	m ³	1.444.258	415.543	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.85341	- Vữa mác 50	m ³	1.442.060	433.499	149.180
AE.85342	- Vữa mác 75	m ³	1.444.258	433.499	149.180
	Chiều dày 10cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.85351	- Vữa mác 50	m ³	1.408.479	328.330	
AE.85352	- Vữa mác 75	m ³	1.410.312	328.330	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.85361	- Vữa mác 50	m ³	1.408.479	359.111	46.193
AE.85362	- Vữa mác 75	m ³	1.410.312	359.111	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.85371	- Vữa mác 50	m ³	1.408.479	395.022	96.236
AE.85372	- Vữa mác 75	m ³	1.410.312	395.022	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.85381	- Vữa mác 50	m ³	1.408.479	412.978	149.180
AE.85382	- Vữa mác 75	m ³	1.410.312	412.978	149.180

AE.85400 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (15 x 10 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch bê tông khí chưng áp AAC 15x10x60cm				
	Chiều dày 15cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.85411	- Vữa mác 50	m ³	1.443.845	302.679	
AE.85412	- Vữa mác 75	m ³	1.446.043	302.679	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.85421	- Vữa mác 50	m ³	1.443.845	325.765	46.193
AE.85422	- Vữa mác 75	m ³	1.446.043	325.765	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.85431	- Vữa mác 50	m ³	1.443.845	356.546	96.236
AE.85432	- Vữa mác 75	m ³	1.446.043	356.546	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.85441	- Vữa mác 50	m ³	1.443.845	369.372	149.180
AE.85442	- Vữa mác 75	m ³	1.446.043	369.372	149.180
	Chiều dày 10cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.85451	- Vữa mác 50	m ³	1.377.832	307.810	
AE.85452	- Vữa mác 75	m ³	1.379.408	307.810	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.85461	- Vữa mác 50	m ³	1.377.832	336.025	46.193
AE.85462	- Vữa mác 75	m ³	1.379.408	336.025	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.85471	- Vữa mác 50	m ³	1.377.832	366.806	96.236
AE.85472	- Vữa mác 75	m ³	1.379.408	366.806	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.85481	- Vữa mác 50	m ³	1.377.832	384.762	149.180
AE.85482	- Vữa mác 75	m ³	1.379.408	384.762	149.180

AE.85500 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (17,5 x 10 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thẳng gạch bê tông khí chưng áp AAC 17,5x10x60cm				
	Chiều dày 17,5cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.85511	- Vữa mác 50	m ³	1.445.630	289.854	
AE.85512	- Vữa mác 75	m ³	1.447.828	289.854	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.85521	- Vữa mác 50	m ³	1.445.630	312.940	46.193
AE.85522	- Vữa mác 75	m ³	1.447.828	312.940	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.85531	- Vữa mác 50	m ³	1.445.630	343.721	96.236
AE.85532	- Vữa mác 75	m ³	1.447.828	343.721	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.85541	- Vữa mác 50	m ³	1.445.630	356.546	149.180
AE.85542	- Vữa mác 75	m ³	1.447.828	356.546	149.180
	Chiều dày 10cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.85551	- Vữa mác 50	m ³	1.357.473	297.549	
AE.85552	- Vữa mác 75	m ³	1.358.865	297.549	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.85561	- Vữa mác 50	m ³	1.357.473	323.200	46.193
AE.85562	- Vữa mác 75	m ³	1.358.865	323.200	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.85571	- Vữa mác 50	m ³	1.357.473	356.546	96.236
AE.85572	- Vữa mác 75	m ³	1.358.865	356.546	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.85581	- Vữa mác 50	m ³	1.357.473	369.372	149.180
AE.85582	- Vữa mác 75	m ³	1.358.865	369.372	149.180

AE.85700 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (25 x 10 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch bê tông khí chưng áp AAC 25x10x60cm				
	Chiều dày 25cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.85711	- Vữa mác 50	m ³	1.450.985	264.203	
AE.85712	- Vữa mác 75	m ³	1.453.183	264.203	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.85721	- Vữa mác 50	m ³	1.450.985	284.724	46.193
AE.85722	- Vữa mác 75	m ³	1.453.183	284.724	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.85731	- Vữa mác 50	m ³	1.450.985	310.375	96.236
AE.85732	- Vữa mác 75	m ³	1.453.183	310.375	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.85741	- Vữa mác 50	m ³	1.450.985	323.200	149.180
AE.85742	- Vữa mác 75	m ³	1.453.183	323.200	149.180
	Chiều dày 10cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.85751	- Vữa mác 50	m ³	1.332.392	269.333	
AE.85752	- Vữa mác 75	m ³	1.333.492	269.333	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.85761	- Vữa mác 50	m ³	1.332.392	292.419	46.193
AE.85762	- Vữa mác 75	m ³	1.333.492	292.419	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.85771	- Vữa mác 50	m ³	1.332.392	323.200	96.236
AE.85772	- Vữa mác 75	m ³	1.333.492	323.200	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.85781	- Vữa mác 50	m ³	1.332.392	338.591	149.180
AE.85782	- Vữa mác 75	m ³	1.333.492	338.591	149.180

AE.86100 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (7,5 x 20 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thẳng gạch bê tông khí chưng áp AAC 7,5x20x60cm				
	Chiều dày 7,5cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.86111	- Vữa mác 50	m ³	1.347.398	307.810	
AE.86112	- Vữa mác 75	m ³	1.348.681	307.810	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.86121	- Vữa mác 50	m ³	1.347.398	336.025	46.193
AE.86122	- Vữa mác 75	m ³	1.348.681	336.025	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.86131	- Vữa mác 50	m ³	1.347.398	366.806	96.236
AE.86132	- Vữa mác 75	m ³	1.348.681	366.806	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.86141	- Vữa mác 50	m ³	1.347.398	384.762	149.180
AE.86142	- Vữa mác 75	m ³	1.348.681	384.762	149.180
	Chiều dày 20cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.86151	- Vữa mác 50	m ³	1.509.857	300.114	
AE.86152	- Vữa mác 75	m ³	1.512.678	300.114	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.86161	- Vữa mác 50	m ³	1.509.857	323.200	46.193
AE.86162	- Vữa mác 75	m ³	1.512.678	323.200	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.86171	- Vữa mác 50	m ³	1.509.857	353.981	96.236
AE.86172	- Vữa mác 75	m ³	1.512.678	353.981	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.86181	- Vữa mác 50	m ³	1.509.857	366.806	149.180
AE.86182	- Vữa mác 75	m ³	1.512.678	366.806	149.180

AE.86200 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (10 x 20 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thẳng gạch bê tông khí chưng áp AAC 10x20x60cm				
	Chiều dày 10cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.86211	- Vữa mác 50	m ³	1.350.968	287.289	
AE.86212	- Vữa mác 75	m ³	1.352.251	287.289	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.86221	- Vữa mác 50	m ³	1.350.968	312.940	46.193
AE.86222	- Vữa mác 75	m ³	1.352.251	312.940	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.86231	- Vữa mác 50	m ³	1.350.968	346.286	96.236
AE.86232	- Vữa mác 75	m ³	1.352.251	346.286	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.86241	- Vữa mác 50	m ³	1.350.968	359.111	149.180
AE.86242	- Vữa mác 75	m ³	1.352.251	359.111	149.180
	Chiều dày 20cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.86251	- Vữa mác 50	m ³	1.450.985	282.159	
AE.86252	- Vữa mác 75	m ³	1.453.183	282.159	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.86261	- Vữa mác 50	m ³	1.450.985	305.245	46.193
AE.86262	- Vữa mác 75	m ³	1.453.183	305.245	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.86271	- Vữa mác 50	m ³	1.450.985	336.025	96.236
AE.86272	- Vữa mác 75	m ³	1.453.183	336.025	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.86281	- Vữa mác 50	m ³	1.450.985	348.851	149.180
AE.86282	- Vữa mác 75	m ³	1.453.183	348.851	149.180

AE.86300 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (12,5 x 20 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch bê tông khí chưng áp AAC 12,5x20x60cm				
	Chiều dày 12,5cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.86311	- Vữa mác 50	m ³	1.340.258	266.768	
AE.86312	- Vữa mác 75	m ³	1.341.541	266.768	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.86321	- Vữa mác 50	m ³	1.340.258	287.289	46.193
AE.86322	- Vữa mác 75	m ³	1.341.541	287.289	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.86331	- Vữa mác 50	m ³	1.340.258	312.940	96.236
AE.86332	- Vữa mác 75	m ³	1.341.541	312.940	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.86341	- Vữa mác 50	m ³	1.340.258	325.765	149.180
AE.86342	- Vữa mác 75	m ³	1.341.541	325.765	149.180
	Chiều dày 20cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.86351	- Vữa mác 50	m ³	1.399.554	264.203	
AE.86352	- Vữa mác 75	m ³	1.401.387	264.203	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.86361	- Vữa mác 50	m ³	1.399.554	284.724	46.193
AE.86362	- Vữa mác 75	m ³	1.401.387	284.724	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.86371	- Vữa mác 50	m ³	1.399.554	310.375	96.236
AE.86372	- Vữa mác 75	m ³	1.401.387	310.375	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.86381	- Vữa mác 50	m ³	1.399.554	323.200	149.180
AE.86382	- Vữa mác 75	m ³	1.401.387	323.200	149.180

AE.86400 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (15 x 20 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch bê tông khí chưng áp AAC 15x20x60cm				
	Chiều dày 15cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.86411	- Vữa mác 50	m ³	1.331.545	256.508	
AE.86412	- Vữa mác 75	m ³	1.332.791	256.508	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.86421	- Vữa mác 50	m ³	1.331.545	274.464	46.193
AE.86422	- Vữa mác 75	m ³	1.332.791	274.464	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.86431	- Vữa mác 50	m ³	1.331.545	302.679	96.236
AE.86432	- Vữa mác 75	m ³	1.332.791	302.679	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.86441	- Vữa mác 50	m ³	1.331.545	312.940	149.180
AE.86442	- Vữa mác 75	m ³	1.332.791	312.940	149.180
	Chiều dày 20cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.86451	- Vữa mác 50	m ³	1.377.832	256.508	
AE.86452	- Vữa mác 75	m ³	1.379.408	256.508	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.86461	- Vữa mác 50	m ³	1.377.832	274.464	46.193
AE.86462	- Vữa mác 75	m ³	1.379.408	274.464	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.86471	- Vữa mác 50	m ³	1.377.832	302.679	96.236
AE.86472	- Vữa mác 75	m ³	1.379.408	302.679	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.86481	- Vữa mác 50	m ³	1.377.832	312.940	149.180
AE.86482	- Vữa mác 75	m ³	1.379.408	312.940	149.180

AE.86500 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (17,5 x 20 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thẳng gạch bê tông khí chưng áp AAC 17,5x20x60cm				
	Chiều dày 17,5cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.86511	- Vữa mác 50	m ³	1.354.538	246.248	
AE.86512	- Vữa mác 75	m ³	1.355.821	246.248	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.86521	- Vữa mác 50	m ³	1.354.538	266.768	46.193
AE.86522	- Vữa mác 75	m ³	1.355.821	266.768	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.86531	- Vữa mác 50	m ³	1.354.538	289.854	96.236
AE.86532	- Vữa mác 75	m ³	1.355.821	289.854	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.86541	- Vữa mác 50	m ³	1.354.538	305.245	149.180
AE.86542	- Vữa mác 75	m ³	1.355.821	305.245	149.180
	Chiều dày 20cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.86551	- Vữa mác 50	m ³	1.344.978	246.248	
AE.86552	- Vữa mác 75	m ³	1.346.370	246.248	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.86561	- Vữa mác 50	m ³	1.344.978	266.768	46.193
AE.86562	- Vữa mác 75	m ³	1.346.370	266.768	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.86571	- Vữa mác 50	m ³	1.344.978	289.854	96.236
AE.86572	- Vữa mác 75	m ³	1.346.370	289.854	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.86581	- Vữa mác 50	m ³	1.344.978	305.245	149.180
AE.86582	- Vữa mác 75	m ³	1.346.370	305.245	149.180

AE.86600 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (20 x 20 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thẳng gạch bê tông khí chưng áp AAC 20x20x60cm				
	Chiều dày 20cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.86611	- Vữa mác 50	m ³	1.350.968	238.552	
AE.86612	- Vữa mác 75	m ³	1.352.251	238.552	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.86621	- Vữa mác 50	m ³	1.350.968	259.073	46.193
AE.86622	- Vữa mác 75	m ³	1.352.251	259.073	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.86631	- Vữa mác 50	m ³	1.350.968	282.159	96.236
AE.86632	- Vữa mác 75	m ³	1.352.251	282.159	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.86641	- Vữa mác 50	m ³	1.350.968	292.419	149.180
AE.86642	- Vữa mác 75	m ³	1.352.251	292.419	149.180

AE.86700 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (25 x 20 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch bê tông khí chưng áp AAC 25x20x60cm				
	Chiều dày 25cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.86711	- Vữa mác 50	m ³	1.358.108	225.727	
AE.86712	- Vữa mác 75	m ³	1.359.391	225.727	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.86721	- Vữa mác 50	m ³	1.358.108	243.683	46.193
AE.86722	- Vữa mác 75	m ³	1.359.391	243.683	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.86731	- Vữa mác 50	m ³	1.358.108	266.768	96.236
AE.86732	- Vữa mác 75	m ³	1.359.391	266.768	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.86741	- Vữa mác 50	m ³	1.358.108	277.029	149.180
AE.86742	- Vữa mác 75	m ³	1.359.391	277.029	149.180
	Chiều dày 20cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.86751	- Vữa mác 50	m ³	1.332.392	246.248	
AE.86752	- Vữa mác 75	m ³	1.333.492	246.248	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.86761	- Vữa mác 50	m ³	1.332.392	266.768	46.193
AE.86762	- Vữa mác 75	m ³	1.333.492	266.768	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.86771	- Vữa mác 50	m ³	1.332.392	289.854	96.236
AE.86772	- Vữa mác 75	m ³	1.333.492	289.854	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.86781	- Vữa mác 50	m ³	1.332.392	305.245	149.180
AE.86782	- Vữa mác 75	m ³	1.333.492	305.245	149.180

AE.87100 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (7,5 x 30 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thẳng gạch bê tông khí chưng áp AAC 7,5x30x60cm				
	Chiều dày 7,5cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.87111	- Vữa mác 50	m ³	1.306.465	277.029	
AE.87112	- Vữa mác 75	m ³	1.307.418	277.029	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.87121	- Vữa mác 50	m ³	1.306.465	302.679	46.193
AE.87122	- Vữa mác 75	m ³	1.307.418	302.679	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.87131	- Vữa mác 50	m ³	1.306.465	330.895	96.236
AE.87132	- Vữa mác 75	m ³	1.307.418	330.895	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.87141	- Vữa mác 50	m ³	1.306.465	346.286	149.180
AE.87142	- Vữa mác 75	m ³	1.307.418	346.286	149.180
	Chiều dày 30cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.87151	- Vữa mác 50	m ³	1.520.567	274.464	
AE.87152	- Vữa mác 75	m ³	1.523.388	274.464	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.87161	- Vữa mác 50	m ³	1.520.567	297.549	46.193
AE.87162	- Vữa mác 75	m ³	1.523.388	297.549	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.87171	- Vữa mác 50	m ³	1.520.567	323.200	96.236
AE.87172	- Vữa mác 75	m ³	1.523.388	323.200	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.87181	- Vữa mác 50	m ³	1.520.567	338.591	149.180
AE.87182	- Vữa mác 75	m ³	1.523.388	338.591	149.180

AE.87200 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (10 x 30 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thẳng gạch bê tông khí chưng áp AAC 10x30x60cm				
	Chiều dày 10cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.87211	- Vữa mác 50	m ³	1.311.820	259.073	
AE.87212	- Vữa mác 75	m ³	1.312.773	259.073	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.87221	- Vữa mác 50	m ³	1.311.820	279.594	46.193
AE.87222	- Vữa mác 75	m ³	1.312.773	279.594	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.87231	- Vữa mác 50	m ³	1.311.820	310.375	96.236
AE.87232	- Vữa mác 75	m ³	1.312.773	310.375	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.87241	- Vữa mác 50	m ³	1.311.820	323.200	149.180
AE.87242	- Vữa mác 75	m ³	1.312.773	323.200	149.180
	Chiều dày 30cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.87251	- Vữa mác 50	m ³	1.443.845	251.378	
AE.87252	- Vữa mác 75	m ³	1.446.043	251.378	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.87261	- Vữa mác 50	m ³	1.443.845	271.898	46.193
AE.87262	- Vữa mác 75	m ³	1.446.043	271.898	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.87271	- Vữa mác 50	m ³	1.443.845	300.114	96.236
AE.87272	- Vữa mác 75	m ³	1.446.043	300.114	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.87281	- Vữa mác 50	m ³	1.443.845	310.375	149.180
AE.87282	- Vữa mác 75	m ³	1.446.043	310.375	149.180

AE.87300 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (12,5 x 30 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thẳng gạch bê tông khí chưng áp AAC 12,5x30x60cm				
	Chiều dày 12,5cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.87311	- Vữa mác 50	m ³	1.316.964	243.683	
AE.87312	- Vữa mác 75	m ³	1.317.953	243.683	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.87321	- Vữa mác 50	m ³	1.316.964	264.203	46.193
AE.87322	- Vữa mác 75	m ³	1.317.953	264.203	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.87331	- Vữa mác 50	m ³	1.316.964	287.289	96.236
AE.87332	- Vữa mác 75	m ³	1.317.953	287.289	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.87341	- Vữa mác 50	m ³	1.316.964	300.114	149.180
AE.87342	- Vữa mác 75	m ³	1.317.953	300.114	149.180
	Chiều dày 30cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.87351	- Vữa mác 50	m ³	1.408.479	241.118	
AE.87352	- Vữa mác 75	m ³	1.410.312	241.118	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.87361	- Vữa mác 50	m ³	1.408.479	261.638	46.193
AE.87362	- Vữa mác 75	m ³	1.410.312	261.638	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.87371	- Vữa mác 50	m ³	1.408.479	284.724	96.236
AE.87372	- Vữa mác 75	m ³	1.410.312	284.724	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.87381	- Vữa mác 50	m ³	1.408.479	297.549	149.180
AE.87382	- Vữa mác 75	m ³	1.410.312	297.549	149.180

AE.87400 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (15 x 30 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch bê tông khí chưng áp AAC 15x30x60cm				
	Chiều dày 15cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.87411	- Vữa mác 50	m ³	1.310.972	228.292	
AE.87412	- Vữa mác 75	m ³	1.312.072	228.292	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.87421	- Vữa mác 50	m ³	1.310.972	246.248	46.193
AE.87422	- Vữa mác 75	m ³	1.312.072	246.248	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.87431	- Vữa mác 50	m ³	1.310.972	269.333	96.236
AE.87432	- Vữa mác 75	m ³	1.312.072	269.333	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.87441	- Vữa mác 50	m ³	1.310.972	279.594	149.180
AE.87442	- Vữa mác 75	m ³	1.312.072	279.594	149.180
	Chiều dày 30cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.87451	- Vữa mác 50	m ³	1.377.832	228.292	
AE.87452	- Vữa mác 75	m ³	1.379.408	228.292	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.87461	- Vữa mác 50	m ³	1.377.832	246.248	46.193
AE.87462	- Vữa mác 75	m ³	1.379.408	246.248	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.87471	- Vữa mác 50	m ³	1.377.832	269.333	96.236
AE.87472	- Vữa mác 75	m ³	1.379.408	269.333	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.87481	- Vữa mác 50	m ³	1.377.832	279.594	149.180
AE.87482	- Vữa mác 75	m ³	1.379.408	279.594	149.180

AE.87500 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (17,5 x 30 x 60)CM

Đơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thẳng gạch bê tông khí chưng áp AAC 17,5x30x60cm				
	Chiều dày 17,5cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.87511	- Vữa mác 50	m ³	1.295.755	220.597	
AE.87512	- Vữa mác 75	m ³	1.296.708	220.597	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.87521	- Vữa mác 50	m ³	1.295.755	235.987	46.193
AE.87522	- Vữa mác 75	m ³	1.296.708	235.987	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.87531	- Vữa mác 50	m ³	1.295.755	259.073	96.236
AE.87532	- Vữa mác 75	m ³	1.296.708	259.073	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.87541	- Vữa mác 50	m ³	1.295.755	269.333	149.180
AE.87542	- Vữa mác 75	m ³	1.296.708	269.333	149.180
	Chiều dày 30cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.87551	- Vữa mác 50	m ³	1.357.473	220.597	
AE.87552	- Vữa mác 75	m ³	1.358.865	220.597	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.87561	- Vữa mác 50	m ³	1.357.473	235.987	46.193
AE.87562	- Vữa mác 75	m ³	1.358.865	235.987	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.87571	- Vữa mác 50	m ³	1.357.473	259.073	96.236
AE.87572	- Vữa mác 75	m ³	1.358.865	259.073	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.87581	- Vữa mác 50	m ³	1.357.473	269.333	149.180
AE.87582	- Vữa mác 75	m ³	1.358.865	269.333	149.180

AE.87600 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (20 x 30 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch bê tông khí chưng áp AAC 20x30x60cm				
	Chiều dày 20cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.87611	- Vữa mác 50	m ³	1.290.400	210.337	
AE.87612	- Vữa mác 75	m ³	1.291.353	210.337	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.87621	- Vữa mác 50	m ³	1.290.400	228.292	46.193
AE.87622	- Vữa mác 75	m ³	1.291.353	228.292	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.87631	- Vữa mác 50	m ³	1.290.400	248.813	96.236
AE.87632	- Vữa mác 75	m ³	1.291.353	248.813	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.87641	- Vữa mác 50	m ³	1.290.400	261.638	149.180
AE.87642	- Vữa mác 75	m ³	1.291.353	261.638	149.180
	Chiều dày 30cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.87651	- Vữa mác 50	m ³	1.336.688	210.337	
AE.87652	- Vữa mác 75	m ³	1.337.971	210.337	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.87661	- Vữa mác 50	m ³	1.336.688	228.292	46.193
AE.87662	- Vữa mác 75	m ³	1.337.971	228.292	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.87671	- Vữa mác 50	m ³	1.336.688	248.813	96.236
AE.87672	- Vữa mác 75	m ³	1.337.971	248.813	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.87681	- Vữa mác 50	m ³	1.336.688	261.638	149.180
AE.87682	- Vữa mác 75	m ³	1.337.971	261.638	149.180

AE.87700 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (25 x 30 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch bê tông khí chưng áp AAC 25x30x60cm				
	Chiều dày 25cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.87711	- Vữa mác 50	m ³	1.311.820	184.686	
AE.87712	- Vữa mác 75	m ³	1.312.773	184.686	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.87721	- Vữa mác 50	m ³	1.311.820	197.511	46.193
AE.87722	- Vữa mác 75	m ³	1.312.773	197.511	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.87731	- Vữa mác 50	m ³	1.311.820	218.032	96.236
AE.87732	- Vữa mác 75	m ³	1.312.773	218.032	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.87741	- Vữa mác 50	m ³	1.311.820	225.727	149.180
AE.87742	- Vữa mác 75	m ³	1.312.773	225.727	149.180
	Chiều dày 30cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.87751	- Vữa mác 50	m ³	1.332.392	184.686	
AE.87752	- Vữa mác 75	m ³	1.333.492	184.686	
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.87761	- Vữa mác 50	m ³	1.332.392	197.511	46.193
AE.87762	- Vữa mác 75	m ³	1.333.492	197.511	46.193
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.87771	- Vữa mác 50	m ³	1.332.392	218.032	96.236
AE.87772	- Vữa mác 75	m ³	1.333.492	218.032	96.236
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.87781	- Vữa mác 50	m ³	1.332.392	225.727	149.180
AE.87782	- Vữa mác 75	m ³	1.333.492	225.727	149.180

AE.88100 XÂY GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ÁP (AAC) BẰNG VỮA THÔNG THƯỜNG*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị dụng cụ, lắp và tháo dỡ dàn giáo xây, trộn vữa thông thường bằng máy trộn, cưa, cắt gạch, xây theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m. (vật liệu làm dàn giáo đã tính trong đơn giá).

- Đơn giá chưa bao gồm công tác sản xuất lắp đặt râu thép, thép giằng gia cố.

- Vữa xây trong đơn giá sử dụng vữa xi măng PC40, cát vàng có mô đun độ lớn ML >

2

AE.88110 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (7,5 x 10 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thẳng gạch bê tông khí chung áp AAC 7,5x10x60cm				
	Chiều dày 7,5cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.881111	- Vữa XM mác 25	m ³	1.130.933	369.372	6.599
AE.881112	- Vữa XM mác 50	m ³	1.151.707	369.372	6.599
AE.881113	- Vữa XM mác 75	m ³	1.169.898	369.372	6.599
AE.881114	- Vữa XM mác 100	m ³	1.188.838	369.372	6.599
AE.881115	- Vữa XM mác 125	m ³	1.206.269	369.372	6.599
AE.881116	- Vữa XM mác 150	m ³	1.222.699	369.372	6.599
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.881121	- Vữa XM mác 25	m ³	1.130.933	402.718	52.792
AE.881122	- Vữa XM mác 50	m ³	1.151.707	402.718	52.792
AE.881123	- Vữa XM mác 75	m ³	1.169.898	402.718	52.792
AE.881124	- Vữa XM mác 100	m ³	1.188.838	402.718	52.792
AE.881125	- Vữa XM mác 125	m ³	1.206.269	402.718	52.792
AE.881126	- Vữa XM mác 150	m ³	1.222.699	402.718	52.792
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.881131	- Vữa XM mác 25	m ³	1.130.933	443.759	102.835
AE.881132	- Vữa XM mác 50	m ³	1.151.707	443.759	102.835
AE.881133	- Vữa XM mác 75	m ³	1.169.898	443.759	102.835
AE.881134	- Vữa XM mác 100	m ³	1.188.838	443.759	102.835

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
AE.881135	- Vữa XM mác 125	m ³	1.206.269	443.759	102.835
AE.881136	- Vữa XM mác 150	m ³	1.222.699	443.759	102.835
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.881141	- Vữa XM mác 25	m ³	1.130.933	464.279	155.779
AE.881142	- Vữa XM mác 50	m ³	1.151.707	464.279	155.779
AE.881143	- Vữa XM mác 75	m ³	1.169.898	464.279	155.779
AE.881144	- Vữa XM mác 100	m ³	1.188.838	464.279	155.779
AE.881145	- Vữa XM mác 125	m ³	1.206.269	464.279	155.779
AE.881146	- Vữa XM mác 150	m ³	1.222.699	464.279	155.779
	Chiều dày 10cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.881151	- Vữa XM mác 25	m ³	1.106.634	361.676	8.320
AE.881152	- Vữa XM mác 50	m ³	1.133.186	361.676	8.320
AE.881153	- Vữa XM mác 75	m ³	1.156.436	361.676	8.320
AE.881154	- Vữa XM mác 100	m ³	1.180.642	361.676	8.320
AE.881155	- Vữa XM mác 125	m ³	1.202.923	361.676	8.320
AE.881156	- Vữa XM mác 150	m ³	1.223.922	361.676	8.320
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.881161	- Vữa XM mác 25	m ³	1.106.634	395.022	54.513
AE.881162	- Vữa XM mác 50	m ³	1.133.186	395.022	54.513
AE.881163	- Vữa XM mác 75	m ³	1.156.436	395.022	54.513
AE.881164	- Vữa XM mác 100	m ³	1.180.642	395.022	54.513
AE.881165	- Vữa XM mác 125	m ³	1.202.923	395.022	54.513
AE.881166	- Vữa XM mác 150	m ³	1.223.922	395.022	54.513
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.881171	- Vữa XM mác 25	m ³	1.106.634	433.499	104.556
AE.881172	- Vữa XM mác 50	m ³	1.133.186	433.499	104.556
AE.881173	- Vữa XM mác 75	m ³	1.156.436	433.499	104.556
AE.881174	- Vữa XM mác 100	m ³	1.180.642	433.499	104.556
AE.881175	- Vữa XM mác 125	m ³	1.202.923	433.499	104.556
AE.881176	- Vữa XM mác 150	m ³	1.223.922	433.499	104.556

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Chiều cao $\leq 200m$				
AE.881181	- Vữa XM mác 25	m ³	1.106.634	454.019	157.501
AE.881182	- Vữa XM mác 50	m ³	1.133.186	454.019	157.501
AE.881183	- Vữa XM mác 75	m ³	1.156.436	454.019	157.501
AE.881184	- Vữa XM mác 100	m ³	1.180.642	454.019	157.501
AE.881185	- Vữa XM mác 125	m ³	1.202.923	454.019	157.501
AE.881186	- Vữa XM mác 150	m ³	1.223.922	454.019	157.501

AE.88120 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (10 x 10 x 60)CM

Đơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch bê tông khí chưng áp AAC 10x10x60cm				
	Chiều dày 10cm				
	Chiều cao $\leq 6m$				
AE.881211	- Vữa XM mác 25	m ³	1.132.217	348.851	6.599
AE.881212	- Vữa XM mác 50	m ³	1.152.868	348.851	6.599
AE.881213	- Vữa XM mác 75	m ³	1.170.950	348.851	6.599
AE.881214	- Vữa XM mác 100	m ³	1.189.780	348.851	6.599
AE.881215	- Vữa XM mác 125	m ³	1.207.108	348.851	6.599
AE.881216	- Vữa XM mác 150	m ³	1.223.440	348.851	6.599
	Chiều cao $\leq 28m$				
AE.881221	- Vữa XM mác 25	m ³	1.132.217	379.632	52.792
AE.881222	- Vữa XM mác 50	m ³	1.152.868	379.632	52.792
AE.881223	- Vữa XM mác 75	m ³	1.170.950	379.632	52.792
AE.881224	- Vữa XM mác 100	m ³	1.189.780	379.632	52.792
AE.881225	- Vữa XM mác 125	m ³	1.207.108	379.632	52.792
AE.881226	- Vữa XM mác 150	m ³	1.223.440	379.632	52.792
	Chiều cao $\leq 100m$				
AE.881231	- Vữa XM mác 25	m ³	1.132.217	418.108	102.835
AE.881232	- Vữa XM mác 50	m ³	1.152.868	418.108	102.835

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
AE.881233	- Vữa XM mác 75	m ³	1.170.950	418.108	102.835
AE.881234	- Vữa XM mác 100	m ³	1.189.780	418.108	102.835
AE.881235	- Vữa XM mác 125	m ³	1.207.108	418.108	102.835
AE.881236	- Vữa XM mác 150	m ³	1.223.440	418.108	102.835
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.881241	- Vữa XM mác 25	m ³	1.132.217	436.064	155.779
AE.881242	- Vữa XM mác 50	m ³	1.152.868	436.064	155.779
AE.881243	- Vữa XM mác 75	m ³	1.170.950	436.064	155.779
AE.881244	- Vữa XM mác 100	m ³	1.189.780	436.064	155.779
AE.881245	- Vữa XM mác 125	m ³	1.207.108	436.064	155.779
AE.881246	- Vữa XM mác 150	m ³	1.223.440	436.064	155.779

AE.88130 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (12,5 x 10 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch bê tông khí chưng áp AAC 12,5x10x60cm Chiều dày 12,5cm Chiều cao ≤ 6m				
AE.881311	- Vữa XM mác 25	m ³	1.132.735	330.895	6.599
AE.881312	- Vữa XM mác 50	m ³	1.153.509	330.895	6.599
AE.881313	- Vữa XM mác 75	m ³	1.171.700	330.895	6.599
AE.881314	- Vữa XM mác 100	m ³	1.190.640	330.895	6.599
AE.881315	- Vữa XM mác 125	m ³	1.208.071	330.895	6.599
AE.881316	- Vữa XM mác 150	m ³	1.224.501	330.895	6.599
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.881321	- Vữa XM mác 25	m ³	1.132.735	359.111	52.792
AE.881322	- Vữa XM mác 50	m ³	1.153.509	359.111	52.792
AE.881323	- Vữa XM mác 75	m ³	1.171.700	359.111	52.792
AE.881324	- Vữa XM mác 100	m ³	1.190.640	359.111	52.792
AE.881325	- Vữa XM mác 125	m ³	1.208.071	359.111	52.792

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
AE.881326	- Vữa XM mác 150 Chiều cao ≤ 100	m ³	1.224.501	359.111	52.792
AE.881331	- Vữa XM mác 25	m ³	1.132.735	392.457	102.835
AE.881332	- Vữa XM mác 50	m ³	1.153.509	392.457	102.835
AE.881333	- Vữa XM mác 75	m ³	1.171.700	392.457	102.835
AE.881334	- Vữa XM mác 100	m ³	1.190.640	392.457	102.835
AE.881335	- Vữa XM mác 125	m ³	1.208.071	392.457	102.835
AE.881336	- Vữa XM mác 150 Chiều cao $\leq 200m$	m ³	1.224.501	392.457	102.835
AE.881341	- Vữa XM mác 25	m ³	1.132.735	407.848	155.779
AE.881342	- Vữa XM mác 50	m ³	1.153.509	407.848	155.779
AE.881343	- Vữa XM mác 75	m ³	1.171.700	407.848	155.779
AE.881344	- Vữa XM mác 100	m ³	1.190.640	407.848	155.779
AE.881345	- Vữa XM mác 125	m ³	1.208.071	407.848	155.779
AE.881346	- Vữa XM mác 150 Chiều dày 10cm Chiều cao $\leq 6m$	m ³	1.224.501	407.848	155.779
AE.881351	- Vữa XM mác 25	m ³	1.145.255	336.025	5.739
AE.881352	- Vữa XM mác 50	m ³	1.162.588	336.025	5.739
AE.881353	- Vữa XM mác 75	m ³	1.177.764	336.025	5.739
AE.881354	- Vữa XM mác 100	m ³	1.193.566	336.025	5.739
AE.881355	- Vữa XM mác 125	m ³	1.208.112	336.025	5.739
AE.881356	- Vữa XM mác 150	m ³	1.221.819	336.025	5.739
	Chiều cao $\leq 28m$				
AE.881361	- Vữa XM mác 25	m ³	1.145.255	364.241	51.931
AE.881362	- Vữa XM mác 50	m ³	1.162.588	364.241	51.931
AE.881363	- Vữa XM mác 75	m ³	1.177.764	364.241	51.931
AE.881364	- Vữa XM mác 100	m ³	1.193.566	364.241	51.931
AE.881365	- Vữa XM mác 125	m ³	1.208.112	364.241	51.931
AE.881366	- Vữa XM mác 150 Chiều cao $\leq 100m$	m ³	1.221.819	364.241	51.931
AE.881371	- Vữa XM mác 25	m ³	1.145.255	400.152	101.974

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
AE.881372	- Vữa XM mác 50	m ³	1.162.588	400.152	101.974
AE.881373	- Vữa XM mác 75	m ³	1.177.764	400.152	101.974
AE.881374	- Vữa XM mác 100	m ³	1.193.566	400.152	101.974
AE.881375	- Vữa XM mác 125	m ³	1.208.112	400.152	101.974
AE.881376	- Vữa XM mác 150	m ³	1.221.819	400.152	101.974
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.881381	- Vữa XM mác 25	m ³	1.145.255	420.673	154.919
AE.881382	- Vữa XM mác 50	m ³	1.162.588	420.673	154.919
AE.881383	- Vữa XM mác 75	m ³	1.177.764	420.673	154.919
AE.881384	- Vữa XM mác 100	m ³	1.193.566	420.673	154.919
AE.881385	- Vữa XM mác 125	m ³	1.208.112	420.673	154.919
AE.881386	- Vữa XM mác 150	m ³	1.221.819	420.673	154.919

AE.88140 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (15 x 10 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch bê tông khí chưng áp AAC 15x10x60cm Chiều dày 15cm Chiều cao ≤ 6m				
AE.881411	- Vữa XM mác 25	m ³	1.136.339	315.505	6.599
AE.881412	- Vữa XM mác 50	m ³	1.157.113	315.505	6.599
AE.881413	- Vữa XM mác 75	m ³	1.175.304	315.505	6.599
AE.881414	- Vữa XM mác 100	m ³	1.194.244	315.505	6.599
AE.881415	- Vữa XM mác 125	m ³	1.211.675	315.505	6.599
AE.881416	- Vữa XM mác 150	m ³	1.228.105	315.505	6.599
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.881421	- Vữa XM mác 25	m ³	1.136.339	341.156	52.792
AE.881422	- Vữa XM mác 50	m ³	1.157.113	341.156	52.792
AE.881423	- Vữa XM mác 75	m ³	1.175.304	341.156	52.792
AE.881424	- Vữa XM mác 100	m ³	1.194.244	341.156	52.792
AE.881425	- Vữa XM mác 125	m ³	1.211.675	341.156	52.792
AE.881426	- Vữa XM mác 150	m ³	1.228.105	341.156	52.792
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.881431	- Vữa XM mác 25	m ³	1.136.339	374.502	102.835
AE.881432	- Vữa XM mác 50	m ³	1.157.113	374.502	102.835
AE.881433	- Vữa XM mác 75	m ³	1.175.304	374.502	102.835
AE.881434	- Vữa XM mác 100	m ³	1.194.244	374.502	102.835
AE.881435	- Vữa XM mác 125	m ³	1.211.675	374.502	102.835
AE.881436	- Vữa XM mác 150	m ³	1.228.105	374.502	102.835
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.881441	- Vữa XM mác 25	m ³	1.136.339	387.327	155.779
AE.881442	- Vữa XM mác 50	m ³	1.157.113	387.327	155.779
AE.881443	- Vữa XM mác 75	m ³	1.175.304	387.327	155.779
AE.881444	- Vữa XM mác 100	m ³	1.194.244	387.327	155.779
AE.881445	- Vữa XM mác 125	m ³	1.211.675	387.327	155.779
AE.881446	- Vữa XM mác 150	m ³	1.228.105	387.327	155.779

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Chiều dày 10cm				
	Chiều cao $\leq 6m$				
AE.881451	- Vữa XM mác 25	m ³	1.154.195	320.635	5.165
AE.881452	- Vữa XM mác 50	m ³	1.168.947	320.635	5.165
AE.881453	- Vữa XM mác 75	m ³	1.181.863	320.635	5.165
AE.881454	- Vữa XM mác 100	m ³	1.195.312	320.635	5.165
AE.881455	- Vữa XM mác 125	m ³	1.207.689	320.635	5.165
AE.881456	- Vữa XM mác 150	m ³	1.219.354	320.635	5.165
	Chiều cao $\leq 28m$				
AE.881461	- Vữa XM mác 25	m ³	1.154.195	351.416	51.358
AE.881462	- Vữa XM mác 50	m ³	1.168.947	351.416	51.358
AE.881463	- Vữa XM mác 75	m ³	1.181.863	351.416	51.358
AE.881464	- Vữa XM mác 100	m ³	1.195.312	351.416	51.358
AE.881465	- Vữa XM mác 125	m ³	1.207.689	351.416	51.358
AE.881466	- Vữa XM mác 150	m ³	1.219.354	351.416	51.358
	Chiều cao $\leq 100m$				
AE.881471	- Vữa XM mác 25	m ³	1.154.195	384.762	101.400
AE.881472	- Vữa XM mác 50	m ³	1.168.947	384.762	101.400
AE.881473	- Vữa XM mác 75	m ³	1.181.863	384.762	101.400
AE.881474	- Vữa XM mác 100	m ³	1.195.312	384.762	101.400
AE.881475	- Vữa XM mác 125	m ³	1.207.689	384.762	101.400
AE.881476	- Vữa XM mác 150	m ³	1.219.354	384.762	101.400
	Chiều cao $\leq 200m$				
AE.881481	- Vữa XM mác 25	m ³	1.154.195	400.152	154.345
AE.881482	- Vữa XM mác 50	m ³	1.168.947	400.152	154.345
AE.881483	- Vữa XM mác 75	m ³	1.181.863	400.152	154.345
AE.881484	- Vữa XM mác 100	m ³	1.195.312	400.152	154.345
AE.881485	- Vữa XM mác 125	m ³	1.207.689	400.152	154.345
AE.881486	- Vữa XM mác 150	m ³	1.219.354	400.152	154.345

AE.88150 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (17,5 x 10 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch bê tông khí chưng áp AAC 17,5x10x60cm Chiều dày 17,5cm Chiều cao ≤ 6m				
AE.881511	- Vữa XM mác 25	m ³	1.134.537	302.679	6.599
AE.881512	- Vữa XM mác 50	m ³	1.155.311	302.679	6.599
AE.881513	- Vữa XM mác 75	m ³	1.173.502	302.679	6.599
AE.881514	- Vữa XM mác 100	m ³	1.192.442	302.679	6.599
AE.881515	- Vữa XM mác 125	m ³	1.209.873	302.679	6.599
AE.881516	- Vữa XM mác 150	m ³	1.226.303	302.679	6.599
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.881521	- Vữa XM mác 25	m ³	1.134.537	325.765	52.792
AE.881522	- Vữa XM mác 50	m ³	1.155.311	325.765	52.792
AE.881523	- Vữa XM mác 75	m ³	1.173.502	325.765	52.792
AE.881524	- Vữa XM mác 100	m ³	1.192.442	325.765	52.792
AE.881525	- Vữa XM mác 125	m ³	1.209.873	325.765	52.792
AE.881526	- Vữa XM mác 150	m ³	1.226.303	325.765	52.792
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.881531	- Vữa XM mác 25	m ³	1.134.537	356.546	102.835
AE.881532	- Vữa XM mác 50	m ³	1.155.311	356.546	102.835
AE.881533	- Vữa XM mác 75	m ³	1.173.502	356.546	102.835
AE.881534	- Vữa XM mác 100	m ³	1.192.442	356.546	102.835
AE.881535	- Vữa XM mác 125	m ³	1.209.873	356.546	102.835
AE.881536	- Vữa XM mác 150	m ³	1.226.303	356.546	102.835
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.881541	- Vữa XM mác 25	m ³	1.134.537	369.372	155.779
AE.881542	- Vữa XM mác 50	m ³	1.155.311	369.372	155.779
AE.881543	- Vữa XM mác 75	m ³	1.173.502	369.372	155.779
AE.881544	- Vữa XM mác 100	m ³	1.192.442	369.372	155.779
AE.881545	- Vữa XM mác 125	m ³	1.209.873	369.372	155.779

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
AE.881546	- Vữa XM mác 150 Chiều dày 10cm Chiều cao $\leq 6m$	m ³	1.226.303	369.372	155.779
AE.881551	- Vữa XM mác 25	m ³	1.165.996	307.810	4.303
AE.881552	- Vữa XM mác 50	m ³	1.179.273	307.810	4.303
AE.881553	- Vữa XM mác 75	m ³	1.190.897	307.810	4.303
AE.881554	- Vữa XM mác 100	m ³	1.203.001	307.810	4.303
AE.881555	- Vữa XM mác 125	m ³	1.214.141	307.810	4.303
AE.881556	- Vữa XM mác 150 Chiều cao $\leq 28m$	m ³	1.224.640	307.810	4.303
AE.881561	- Vữa XM mác 25	m ³	1.165.996	336.025	50.496
AE.881562	- Vữa XM mác 50	m ³	1.179.273	336.025	50.496
AE.881563	- Vữa XM mác 75	m ³	1.190.897	336.025	50.496
AE.881564	- Vữa XM mác 100	m ³	1.203.001	336.025	50.496
AE.881565	- Vữa XM mác 125	m ³	1.214.141	336.025	50.496
AE.881566	- Vữa XM mác 150 Chiều cao $\leq 100m$	m ³	1.224.640	336.025	50.496
AE.881571	- Vữa XM mác 25	m ³	1.165.996	366.806	100.539
AE.881572	- Vữa XM mác 50	m ³	1.179.273	366.806	100.539
AE.881573	- Vữa XM mác 75	m ³	1.190.897	366.806	100.539
AE.881574	- Vữa XM mác 100	m ³	1.203.001	366.806	100.539
AE.881575	- Vữa XM mác 125	m ³	1.214.141	366.806	100.539
AE.881576	- Vữa XM mác 150 Chiều cao $\leq 200m$	m ³	1.224.640	366.806	100.539
AE.881581	- Vữa XM mác 25	m ³	1.165.996	384.762	153.484
AE.881582	- Vữa XM mác 50	m ³	1.179.273	384.762	153.484
AE.881583	- Vữa XM mác 75	m ³	1.190.897	384.762	153.484
AE.881584	- Vữa XM mác 100	m ³	1.203.001	384.762	153.484
AE.881585	- Vữa XM mác 125	m ³	1.214.141	384.762	153.484
AE.881586	- Vữa XM mác 150	m ³	1.224.640	384.762	153.484

AE.88170 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (25 x 10 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch bê tông khí chưng áp AAC 25x10x60cm				
	Chiều dày 25cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.881711	- Vữa XM mác 25	m ³	1.132.735	266.768	6.599
AE.881712	- Vữa XM mác 50	m ³	1.153.509	266.768	6.599
AE.881713	- Vữa XM mác 75	m ³	1.171.700	266.768	6.599
AE.881714	- Vữa XM mác 100	m ³	1.190.640	266.768	6.599
AE.881715	- Vữa XM mác 125	m ³	1.208.071	266.768	6.599
AE.881716	- Vữa XM mác 150	m ³	1.224.501	266.768	6.599
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.881721	- Vữa XM mác 25	m ³	1.132.735	287.289	52.792
AE.881722	- Vữa XM mác 50	m ³	1.153.509	287.289	52.792
AE.881723	- Vữa XM mác 75	m ³	1.171.700	287.289	52.792
AE.881724	- Vữa XM mác 100	m ³	1.190.640	287.289	52.792
AE.881725	- Vữa XM mác 125	m ³	1.208.071	287.289	52.792
AE.881726	- Vữa XM mác 150	m ³	1.224.501	287.289	52.792
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.881731	- Vữa XM mác 25	m ³	1.132.735	312.940	102.835
AE.881732	- Vữa XM mác 50	m ³	1.153.509	312.940	102.835
AE.881733	- Vữa XM mác 75	m ³	1.171.700	312.940	102.835
AE.881734	- Vữa XM mác 100	m ³	1.190.640	312.940	102.835
AE.881735	- Vữa XM mác 125	m ³	1.208.071	312.940	102.835
AE.881736	- Vữa XM mác 150	m ³	1.224.501	312.940	102.835
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.881741	- Vữa XM mác 25	m ³	1.132.735	325.765	155.779
AE.881742	- Vữa XM mác 50	m ³	1.153.509	325.765	155.779
AE.881743	- Vữa XM mác 75	m ³	1.171.700	325.765	155.779
AE.881744	- Vữa XM mác 100	m ³	1.190.640	325.765	155.779
AE.881745	- Vữa XM mác 125	m ³	1.208.071	325.765	155.779
AE.881746	- Vữa XM mác 150	m ³	1.224.501	325.765	155.779

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Chiều dày 10cm				
	Chiều cao $\leq 6m$				
AE.881751	- Vữa XM mác 25	m ³	1.178.271	284.724	4.017
AE.881752	- Vữa XM mác 50	m ³	1.188.473	284.724	4.017
AE.881753	- Vữa XM mác 75	m ³	1.197.407	284.724	4.017
AE.881754	- Vữa XM mác 100	m ³	1.206.709	284.724	4.017
AE.881755	- Vữa XM mác 125	m ³	1.215.270	284.724	4.017
AE.881756	- Vữa XM mác 150	m ³	1.223.340	284.724	4.017
	Chiều cao $\leq 28m$				
AE.881761	- Vữa XM mác 25	m ³	1.178.271	310.375	50.210
AE.881762	- Vữa XM mác 50	m ³	1.188.473	310.375	50.210
AE.881763	- Vữa XM mác 75	m ³	1.197.407	310.375	50.210
AE.881764	- Vữa XM mác 100	m ³	1.206.709	310.375	50.210
AE.881765	- Vữa XM mác 125	m ³	1.215.270	310.375	50.210
AE.881766	- Vữa XM mác 150	m ³	1.223.340	310.375	50.210
	Chiều cao $\leq 100m$				
AE.881771	- Vữa XM mác 25	m ³	1.178.271	343.721	100.253
AE.881772	- Vữa XM mác 50	m ³	1.188.473	343.721	100.253
AE.881773	- Vữa XM mác 75	m ³	1.197.407	343.721	100.253
AE.881774	- Vữa XM mác 100	m ³	1.206.709	343.721	100.253
AE.881775	- Vữa XM mác 125	m ³	1.215.270	343.721	100.253
AE.881776	- Vữa XM mác 150	m ³	1.223.340	343.721	100.253
	Chiều cao $\leq 200m$				
AE.881781	- Vữa XM mác 25	m ³	1.178.271	356.546	153.197
AE.881782	- Vữa XM mác 50	m ³	1.188.473	356.546	153.197
AE.881783	- Vữa XM mác 75	m ³	1.197.407	356.546	153.197
AE.881784	- Vữa XM mác 100	m ³	1.206.709	356.546	153.197
AE.881785	- Vữa XM mác 125	m ³	1.215.270	356.546	153.197
AE.881786	- Vữa XM mác 150	m ³	1.223.340	356.546	153.197

AE.88210 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (7,5 x 20 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch bê tông khí chưng áp AAC 7,5x20x60cm				
	Chiều dày 7,5cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.882111	- Vữa XM mác 25	m ³	1.164.418	320.635	4.017
AE.882112	- Vữa XM mác 50	m ³	1.176.466	320.635	4.017
AE.882113	- Vữa XM mác 75	m ³	1.187.015	320.635	4.017
AE.882114	- Vữa XM mác 100	m ³	1.197.996	320.635	4.017
AE.882115	- Vữa XM mác 125	m ³	1.208.106	320.635	4.017
AE.882116	- Vữa XM mác 150	m ³	1.217.633	320.635	4.017
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.882121	- Vữa XM mác 25	m ³	1.164.418	351.416	50.210
AE.882122	- Vữa XM mác 50	m ³	1.176.466	351.416	50.210
AE.882123	- Vữa XM mác 75	m ³	1.187.015	351.416	50.210
AE.882124	- Vữa XM mác 100	m ³	1.197.996	351.416	50.210
AE.882125	- Vữa XM mác 125	m ³	1.208.106	351.416	50.210
AE.882126	- Vữa XM mác 150	m ³	1.217.633	351.416	50.210
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.882131	- Vữa XM mác 25	m ³	1.164.418	384.762	100.253
AE.882132	- Vữa XM mác 50	m ³	1.176.466	384.762	100.253
AE.882133	- Vữa XM mác 75	m ³	1.187.015	384.762	100.253
AE.882134	- Vữa XM mác 100	m ³	1.197.996	384.762	100.253
AE.882135	- Vữa XM mác 125	m ³	1.208.106	384.762	100.253
AE.882136	- Vữa XM mác 150	m ³	1.217.633	384.762	100.253
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.882141	- Vữa XM mác 25	m ³	1.164.418	400.152	153.197
AE.882142	- Vữa XM mác 50	m ³	1.176.466	400.152	153.197
AE.882143	- Vữa XM mác 75	m ³	1.187.015	400.152	153.197
AE.882144	- Vữa XM mác 100	m ³	1.197.996	400.152	153.197
AE.882145	- Vữa XM mác 125	m ³	1.208.106	400.152	153.197

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
AE.882146	- Vữa XM mác 150 Chiều dày 20cm Chiều cao $\leq 6m$	m ³	1.217.633	400.152	153.197
AE.882151	- Vữa XM mác 25	m ³	1.106.634	310.375	8.320
AE.882152	- Vữa XM mác 50	m ³	1.133.186	310.375	8.320
AE.882153	- Vữa XM mác 75	m ³	1.156.436	310.375	8.320
AE.882154	- Vữa XM mác 100	m ³	1.180.642	310.375	8.320
AE.882155	- Vữa XM mác 125	m ³	1.202.923	310.375	8.320
AE.882156	- Vữa XM mác 150 Chiều cao $\leq 28m$	m ³	1.223.922	310.375	8.320
AE.882161	- Vữa XM mác 25	m ³	1.106.634	336.025	54.513
AE.882162	- Vữa XM mác 50	m ³	1.133.186	336.025	54.513
AE.882163	- Vữa XM mác 75	m ³	1.156.436	336.025	54.513
AE.882164	- Vữa XM mác 100	m ³	1.180.642	336.025	54.513
AE.882165	- Vữa XM mác 125	m ³	1.202.923	336.025	54.513
AE.882166	- Vữa XM mác 150 Chiều cao $\leq 100m$	m ³	1.223.922	336.025	54.513
AE.882171	- Vữa XM mác 25	m ³	1.106.634	364.241	104.556
AE.882172	- Vữa XM mác 50	m ³	1.133.186	364.241	104.556
AE.882173	- Vữa XM mác 75	m ³	1.156.436	364.241	104.556
AE.882174	- Vữa XM mác 100	m ³	1.180.642	364.241	104.556
AE.882175	- Vữa XM mác 125	m ³	1.202.923	364.241	104.556
AE.882176	- Vữa XM mác 150 Chiều cao $\leq 200m$	m ³	1.223.922	364.241	104.556
AE.882181	- Vữa XM mác 25	m ³	1.106.634	382.197	157.501
AE.882182	- Vữa XM mác 50	m ³	1.133.186	382.197	157.501
AE.882183	- Vữa XM mác 75	m ³	1.156.436	382.197	157.501
AE.882184	- Vữa XM mác 100	m ³	1.180.642	382.197	157.501
AE.882185	- Vữa XM mác 125	m ³	1.202.923	382.197	157.501
AE.882186	- Vữa XM mác 150	m ³	1.223.922	382.197	157.501

AE.88220 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (10 x 20 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch bê tông khí chưng áp AAC 10x20x60cm				
	Chiều dày 10cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.882211	- Vữa XM mác 25	m ³	1.175.230	297.549	4.017
AE.882212	- Vữa XM mác 50	m ³	1.187.278	297.549	4.017
AE.882213	- Vữa XM mác 75	m ³	1.197.827	297.549	4.017
AE.882214	- Vữa XM mác 100	m ³	1.208.808	297.549	4.017
AE.882215	- Vữa XM mác 125	m ³	1.218.918	297.549	4.017
AE.882216	- Vữa XM mác 150	m ³	1.228.445	297.549	4.017
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.882221	- Vữa XM mác 25	m ³	1.175.230	323.200	50.210
AE.882222	- Vữa XM mác 50	m ³	1.187.278	323.200	50.210
AE.882223	- Vữa XM mác 75	m ³	1.197.827	323.200	50.210
AE.882224	- Vữa XM mác 100	m ³	1.208.808	323.200	50.210
AE.882225	- Vữa XM mác 125	m ³	1.218.918	323.200	50.210
AE.882226	- Vữa XM mác 150	m ³	1.228.445	323.200	50.210
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.882231	- Vữa XM mác 25	m ³	1.175.230	356.546	100.253
AE.882232	- Vữa XM mác 50	m ³	1.187.278	356.546	100.253
AE.882233	- Vữa XM mác 75	m ³	1.197.827	356.546	100.253
AE.882234	- Vữa XM mác 100	m ³	1.208.808	356.546	100.253
AE.882235	- Vữa XM mác 125	m ³	1.218.918	356.546	100.253
AE.882236	- Vữa XM mác 150	m ³	1.228.445	356.546	100.253
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.882241	- Vữa XM mác 25	m ³	1.175.230	369.372	153.197
AE.882242	- Vữa XM mác 50	m ³	1.187.278	369.372	153.197
AE.882243	- Vữa XM mác 75	m ³	1.197.827	369.372	153.197
AE.882244	- Vữa XM mác 100	m ³	1.208.808	369.372	153.197
AE.882245	- Vữa XM mác 125	m ³	1.218.918	369.372	153.197
AE.882246	- Vữa XM mác 150	m ³	1.228.445	369.372	153.197

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Chiều dày 20cm				
	Chiều cao $\leq 6m$				
AE.882251	- Vữa XM mác 25	m ³	1.139.425	289.854	6.599
AE.882252	- Vữa XM mác 50	m ³	1.160.076	289.854	6.599
AE.882253	- Vữa XM mác 75	m ³	1.178.158	289.854	6.599
AE.882254	- Vữa XM mác 100	m ³	1.196.988	289.854	6.599
AE.882255	- Vữa XM mác 125	m ³	1.214.316	289.854	6.599
AE.882256	- Vữa XM mác 150	m ³	1.230.648	289.854	6.599
	Chiều cao $\leq 28m$				
AE.882261	- Vữa XM mác 25	m ³	1.139.425	312.940	52.792
AE.882262	- Vữa XM mác 50	m ³	1.160.076	312.940	52.792
AE.882263	- Vữa XM mác 75	m ³	1.178.158	312.940	52.792
AE.882264	- Vữa XM mác 100	m ³	1.196.988	312.940	52.792
AE.882265	- Vữa XM mác 125	m ³	1.214.316	312.940	52.792
AE.882266	- Vữa XM mác 150	m ³	1.230.648	312.940	52.792
	Chiều cao $\leq 100m$				
AE.882271	- Vữa XM mác 25	m ³	1.139.425	343.721	102.835
AE.882272	- Vữa XM mác 50	m ³	1.160.076	343.721	102.835
AE.882273	- Vữa XM mác 75	m ³	1.178.158	343.721	102.835
AE.882274	- Vữa XM mác 100	m ³	1.196.988	343.721	102.835
AE.882275	- Vữa XM mác 125	m ³	1.214.316	343.721	102.835
AE.882276	- Vữa XM mác 150	m ³	1.230.648	343.721	102.835
	Chiều cao $\leq 200m$				
AE.882281	- Vữa XM mác 25	m ³	1.139.425	356.546	155.779
AE.882282	- Vữa XM mác 50	m ³	1.160.076	356.546	155.779
AE.882283	- Vữa XM mác 75	m ³	1.178.158	356.546	155.779
AE.882284	- Vữa XM mác 100	m ³	1.196.988	356.546	155.779
AE.882285	- Vữa XM mác 125	m ³	1.214.316	356.546	155.779
AE.882286	- Vữa XM mác 150	m ³	1.230.648	356.546	155.779

AE.88230 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (12,5 x 20 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch bê tông khí chưng áp AAC 12,5x20x60cm Chiều dày 12,5cm Chiều cao ≤ 6m				
AE.882311	- Vữa XM mác 25	m ³	1.168.022	271.898	4.017
AE.882312	- Vữa XM mác 50	m ³	1.180.070	271.898	4.017
AE.882313	- Vữa XM mác 75	m ³	1.190.619	271.898	4.017
AE.882314	- Vữa XM mác 100	m ³	1.201.600	271.898	4.017
AE.882315	- Vữa XM mác 125	m ³	1.211.710	271.898	4.017
AE.882316	- Vữa XM mác 150	m ³	1.221.237	271.898	4.017
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.882321	- Vữa XM mác 25	m ³	1.168.022	292.419	50.210
AE.882322	- Vữa XM mác 50	m ³	1.180.070	292.419	50.210
AE.882323	- Vữa XM mác 75	m ³	1.190.619	292.419	50.210
AE.882324	- Vữa XM mác 100	m ³	1.201.600	292.419	50.210
AE.882325	- Vữa XM mác 125	m ³	1.211.710	292.419	50.210
AE.882326	- Vữa XM mác 150	m ³	1.221.237	292.419	50.210
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.882331	- Vữa XM mác 25	m ³	1.168.022	320.635	100.253
AE.882332	- Vữa XM mác 50	m ³	1.180.070	320.635	100.253
AE.882333	- Vữa XM mác 75	m ³	1.190.619	320.635	100.253
AE.882334	- Vữa XM mác 100	m ³	1.201.600	320.635	100.253
AE.882335	- Vữa XM mác 125	m ³	1.211.710	320.635	100.253
AE.882336	- Vữa XM mác 150	m ³	1.221.237	320.635	100.253
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.882341	- Vữa XM mác 25	m ³	1.168.022	336.025	153.197
AE.882342	- Vữa XM mác 50	m ³	1.180.070	336.025	153.197
AE.882343	- Vữa XM mác 75	m ³	1.190.619	336.025	153.197
AE.882344	- Vữa XM mác 100	m ³	1.201.600	336.025	153.197
AE.882345	- Vữa XM mác 125	m ³	1.211.710	336.025	153.197
AE.882346	- Vữa XM mác 150	m ³	1.221.237	336.025	153.197

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Chiều dày 20cm				
	Chiều cao $\leq 6m$				
AE.882351	- Vữa XM mác 25	m ³	1.154.265	269.333	5.739
AE.882352	- Vữa XM mác 50	m ³	1.171.598	269.333	5.739
AE.882353	- Vữa XM mác 75	m ³	1.186.774	269.333	5.739
AE.882354	- Vữa XM mác 100	m ³	1.202.576	269.333	5.739
AE.882355	- Vữa XM mác 125	m ³	1.217.122	269.333	5.739
AE.882356	- Vữa XM mác 150	m ³	1.230.829	269.333	5.739
	Chiều cao $\leq 28m$				
AE.882361	- Vữa XM mác 25	m ³	1.154.265	289.854	51.931
AE.882362	- Vữa XM mác 50	m ³	1.171.598	289.854	51.931
AE.882363	- Vữa XM mác 75	m ³	1.186.774	289.854	51.931
AE.882364	- Vữa XM mác 100	m ³	1.202.576	289.854	51.931
AE.882365	- Vữa XM mác 125	m ³	1.217.122	289.854	51.931
AE.882366	- Vữa XM mác 150	m ³	1.230.829	289.854	51.931
	Chiều cao ≤ 100				
AE.882371	- Vữa XM mác 25	m ³	1.154.265	318.070	101.974
AE.882372	- Vữa XM mác 50	m ³	1.171.598	318.070	101.974
AE.882373	- Vữa XM mác 75	m ³	1.186.774	318.070	101.974
AE.882374	- Vữa XM mác 100	m ³	1.202.576	318.070	101.974
AE.882375	- Vữa XM mác 125	m ³	1.217.122	318.070	101.974
AE.882376	- Vữa XM mác 150	m ³	1.230.829	318.070	101.974
	Chiều cao $\leq 200m$				
AE.882381	- Vữa XM mác 25	m ³	1.154.265	330.895	154.919
AE.882382	- Vữa XM mác 50	m ³	1.171.598	330.895	154.919
AE.882383	- Vữa XM mác 75	m ³	1.186.774	330.895	154.919
AE.882384	- Vữa XM mác 100	m ³	1.202.576	330.895	154.919
AE.882385	- Vữa XM mác 125	m ³	1.217.122	330.895	154.919
AE.882386	- Vữa XM mác 150	m ³	1.230.829	330.895	154.919

AE.88240 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (15 x 20 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch bê tông khí chưng áp AAC 15x20x60cm				
	Chiều dày 15cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.882411	- Vữa XM mác 25	m ³	1.175.230	261.638	4.017
AE.882412	- Vữa XM mác 50	m ³	1.187.278	261.638	4.017
AE.882413	- Vữa XM mác 75	m ³	1.197.827	261.638	4.017
AE.882414	- Vữa XM mác 100	m ³	1.208.808	261.638	4.017
AE.882415	- Vữa XM mác 125	m ³	1.218.918	261.638	4.017
AE.882416	- Vữa XM mác 150	m ³	1.228.445	261.638	4.017
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.882421	- Vữa XM mác 25	m ³	1.175.230	282.159	50.210
AE.882422	- Vữa XM mác 50	m ³	1.187.278	282.159	50.210
AE.882423	- Vữa XM mác 75	m ³	1.197.827	282.159	50.210
AE.882424	- Vữa XM mác 100	m ³	1.208.808	282.159	50.210
AE.882425	- Vữa XM mác 125	m ³	1.218.918	282.159	50.210
AE.882426	- Vữa XM mác 150	m ³	1.228.445	282.159	50.210
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.882431	- Vữa XM mác 25	m ³	1.175.230	307.810	100.253
AE.882432	- Vữa XM mác 50	m ³	1.187.278	307.810	100.253
AE.882433	- Vữa XM mác 75	m ³	1.197.827	307.810	100.253
AE.882434	- Vữa XM mác 100	m ³	1.208.808	307.810	100.253
AE.882435	- Vữa XM mác 125	m ³	1.218.918	307.810	100.253
AE.882436	- Vữa XM mác 150	m ³	1.228.445	307.810	100.253
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.882441	- Vữa XM mác 25	m ³	1.175.230	320.635	153.197
AE.882442	- Vữa XM mác 50	m ³	1.187.278	320.635	153.197
AE.882443	- Vữa XM mác 75	m ³	1.197.827	320.635	153.197
AE.882444	- Vữa XM mác 100	m ³	1.208.808	320.635	153.197
AE.882445	- Vữa XM mác 125	m ³	1.218.918	320.635	153.197

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
AE.882446	- Vữa XM mác 150 Chiều dày 20cm Chiều cao $\leq 6m$	m ³	1.228.445	320.635	153.197
AE.882451	- Vữa XM mác 25	m ³	1.166.043	259.073	4.877
AE.882452	- Vữa XM mác 50	m ³	1.181.040	259.073	4.877
AE.882453	- Vữa XM mác 75	m ³	1.194.173	259.073	4.877
AE.882454	- Vữa XM mác 100	m ³	1.207.846	259.073	4.877
AE.882455	- Vữa XM mác 125	m ³	1.220.430	259.073	4.877
AE.882456	- Vữa XM mác 150 Chiều cao $\leq 28m$	m ³	1.232.289	259.073	4.877
AE.882461	- Vữa XM mác 25	m ³	1.166.043	279.594	51.070
AE.882462	- Vữa XM mác 50	m ³	1.181.040	279.594	51.070
AE.882463	- Vữa XM mác 75	m ³	1.194.173	279.594	51.070
AE.882464	- Vữa XM mác 100	m ³	1.207.846	279.594	51.070
AE.882465	- Vữa XM mác 125	m ³	1.220.430	279.594	51.070
AE.882466	- Vữa XM mác 150 Chiều cao $\leq 100m$	m ³	1.232.289	279.594	51.070
AE.882471	- Vữa XM mác 25	m ³	1.166.043	305.245	101.113
AE.882472	- Vữa XM mác 50	m ³	1.181.040	305.245	101.113
AE.882473	- Vữa XM mác 75	m ³	1.194.173	305.245	101.113
AE.882474	- Vữa XM mác 100	m ³	1.207.846	305.245	101.113
AE.882475	- Vữa XM mác 125	m ³	1.220.430	305.245	101.113
AE.882476	- Vữa XM mác 150 Chiều cao $\leq 200m$	m ³	1.232.289	305.245	101.113
AE.882481	- Vữa XM mác 25	m ³	1.166.043	318.070	154.057
AE.882482	- Vữa XM mác 50	m ³	1.181.040	318.070	154.057
AE.882483	- Vữa XM mác 75	m ³	1.194.173	318.070	154.057
AE.882484	- Vữa XM mác 100	m ³	1.207.846	318.070	154.057
AE.882485	- Vữa XM mác 125	m ³	1.220.430	318.070	154.057
AE.882486	- Vữa XM mác 150	m ³	1.232.289	318.070	154.057

AE.88250 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (17,5 x 20 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch bê tông khí chưng áp AAC 17,5x20x60cm Chiều dày 17,5cm Chiều cao ≤ 6m				
AE.882511	- Vữa XM mác 25	m ³	1.160.814	248.813	4.017
AE.882512	- Vữa XM mác 50	m ³	1.172.862	248.813	4.017
AE.882513	- Vữa XM mác 75	m ³	1.183.411	248.813	4.017
AE.882514	- Vữa XM mác 100	m ³	1.194.392	248.813	4.017
AE.882515	- Vữa XM mác 125	m ³	1.204.502	248.813	4.017
AE.882516	- Vữa XM mác 150	m ³	1.214.029	248.813	4.017
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.882521	- Vữa XM mác 25	m ³	1.160.814	269.333	50.210
AE.882522	- Vữa XM mác 50	m ³	1.172.862	269.333	50.210
AE.882523	- Vữa XM mác 75	m ³	1.183.411	269.333	50.210
AE.882524	- Vữa XM mác 100	m ³	1.194.392	269.333	50.210
AE.882525	- Vữa XM mác 125	m ³	1.204.502	269.333	50.210
AE.882526	- Vữa XM mác 150	m ³	1.214.029	269.333	50.210
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.882531	- Vữa XM mác 25	m ³	1.160.814	292.419	100.253
AE.882532	- Vữa XM mác 50	m ³	1.172.862	292.419	100.253
AE.882533	- Vữa XM mác 75	m ³	1.183.411	292.419	100.253
AE.882534	- Vữa XM mác 100	m ³	1.194.392	292.419	100.253
AE.882535	- Vữa XM mác 125	m ³	1.204.502	292.419	100.253
AE.882536	- Vữa XM mác 150	m ³	1.214.029	292.419	100.253
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.882541	- Vữa XM mác 25	m ³	1.160.814	307.810	153.197
AE.882542	- Vữa XM mác 50	m ³	1.172.862	307.810	153.197
AE.882543	- Vữa XM mác 75	m ³	1.183.411	307.810	153.197
AE.882544	- Vữa XM mác 100	m ³	1.194.392	307.810	153.197
AE.882545	- Vữa XM mác 125	m ³	1.204.502	307.810	153.197
AE.882546	- Vữa XM mác 150	m ³	1.214.029	307.810	153.197

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Chiều dày 20cm				
	Chiều cao $\leq 6m$				
AE.882551	- Vữa XM mác 25	m ³	1.165.996	248.813	4.303
AE.882552	- Vữa XM mác 50	m ³	1.179.273	248.813	4.303
AE.882553	- Vữa XM mác 75	m ³	1.190.897	248.813	4.303
AE.882554	- Vữa XM mác 100	m ³	1.203.001	248.813	4.303
AE.882555	- Vữa XM mác 125	m ³	1.214.141	248.813	4.303
AE.882556	- Vữa XM mác 150	m ³	1.224.640	248.813	4.303
	Chiều cao $\leq 28m$				
AE.882561	- Vữa XM mác 25	m ³	1.165.996	269.333	50.496
AE.882562	- Vữa XM mác 50	m ³	1.179.273	269.333	50.496
AE.882563	- Vữa XM mác 75	m ³	1.190.897	269.333	50.496
AE.882564	- Vữa XM mác 100	m ³	1.203.001	269.333	50.496
AE.882565	- Vữa XM mác 125	m ³	1.214.141	269.333	50.496
AE.882566	- Vữa XM mác 150	m ³	1.224.640	269.333	50.496
	Chiều cao $\leq 100m$				
AE.882571	- Vữa XM mác 25	m ³	1.165.996	292.419	100.539
AE.882572	- Vữa XM mác 50	m ³	1.179.273	292.419	100.539
AE.882573	- Vữa XM mác 75	m ³	1.190.897	292.419	100.539
AE.882574	- Vữa XM mác 100	m ³	1.203.001	292.419	100.539
AE.882575	- Vữa XM mác 125	m ³	1.214.141	292.419	100.539
AE.882576	- Vữa XM mác 150	m ³	1.224.640	292.419	100.539
	Chiều cao $\leq 200m$				
AE.882581	- Vữa XM mác 25	m ³	1.165.996	307.810	153.484
AE.882582	- Vữa XM mác 50	m ³	1.179.273	307.810	153.484
AE.882583	- Vữa XM mác 75	m ³	1.190.897	307.810	153.484
AE.882584	- Vữa XM mác 100	m ³	1.203.001	307.810	153.484
AE.882585	- Vữa XM mác 125	m ³	1.214.141	307.810	153.484
AE.882586	- Vữa XM mác 150	m ³	1.224.640	307.810	153.484

AE.88260 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (20 x 20 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch bê tông khí chưng áp AAC 20x20x60cm				
	Chiều dày 20cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.882611	- Vừa XM mác 25	m ³	1.175.230	241.118	4.017
AE.882612	- Vừa XM mác 50	m ³	1.187.278	241.118	4.017
AE.882613	- Vừa XM mác 75	m ³	1.197.827	241.118	4.017
AE.882614	- Vừa XM mác 100	m ³	1.208.808	241.118	4.017
AE.882615	- Vừa XM mác 125	m ³	1.218.918	241.118	4.017
AE.882616	- Vừa XM mác 150	m ³	1.228.445	241.118	4.017
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.882621	- Vừa XM mác 25	m ³	1.175.230	261.638	50.210
AE.882622	- Vừa XM mác 50	m ³	1.187.278	261.638	50.210
AE.882623	- Vừa XM mác 75	m ³	1.197.827	261.638	50.210
AE.882624	- Vừa XM mác 100	m ³	1.208.808	261.638	50.210
AE.882625	- Vừa XM mác 125	m ³	1.218.918	261.638	50.210
AE.882626	- Vừa XM mác 150	m ³	1.228.445	261.638	50.210
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.882631	- Vừa XM mác 25	m ³	1.175.230	284.724	100.253
AE.882632	- Vừa XM mác 50	m ³	1.187.278	284.724	100.253
AE.882633	- Vừa XM mác 75	m ³	1.197.827	284.724	100.253
AE.882634	- Vừa XM mác 100	m ³	1.208.808	284.724	100.253
AE.882635	- Vừa XM mác 125	m ³	1.218.918	284.724	100.253
AE.882636	- Vừa XM mác 150	m ³	1.228.445	284.724	100.253
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.882641	- Vừa XM mác 25	m ³	1.175.230	297.549	153.197
AE.882642	- Vừa XM mác 50	m ³	1.187.278	297.549	153.197
AE.882643	- Vừa XM mác 75	m ³	1.197.827	297.549	153.197
AE.882644	- Vừa XM mác 100	m ³	1.208.808	297.549	153.197
AE.882645	- Vừa XM mác 125	m ³	1.218.918	297.549	153.197
AE.882646	- Vừa XM mác 150	m ³	1.228.445	297.549	153.197

AE.88270 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (25 x 20 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch bê tông khí chưng áp AAC 25x20x60cm				
	Chiều dày 25cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.882711	- Vữa XM mác 25	m ³	1.168.022	230.857	4.017
AE.882712	- Vữa XM mác 50	m ³	1.180.070	230.857	4.017
AE.882713	- Vữa XM mác 75	m ³	1.190.619	230.857	4.017
AE.882714	- Vữa XM mác 100	m ³	1.201.600	230.857	4.017
AE.882715	- Vữa XM mác 125	m ³	1.211.710	230.857	4.017
AE.882716	- Vữa XM mác 150	m ³	1.221.237	230.857	4.017
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.882721	- Vữa XM mác 25	m ³	1.168.022	248.813	50.210
AE.882722	- Vữa XM mác 50	m ³	1.180.070	248.813	50.210
AE.882723	- Vữa XM mác 75	m ³	1.190.619	248.813	50.210
AE.882724	- Vữa XM mác 100	m ³	1.201.600	248.813	50.210
AE.882725	- Vữa XM mác 125	m ³	1.211.710	248.813	50.210
AE.882726	- Vữa XM mác 150	m ³	1.221.237	248.813	50.210
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.882731	- Vữa XM mác 25	m ³	1.168.022	271.898	100.253
AE.882732	- Vữa XM mác 50	m ³	1.180.070	271.898	100.253
AE.882733	- Vữa XM mác 75	m ³	1.190.619	271.898	100.253
AE.882734	- Vữa XM mác 100	m ³	1.201.600	271.898	100.253
AE.882735	- Vữa XM mác 125	m ³	1.211.710	271.898	100.253
AE.882736	- Vữa XM mác 150	m ³	1.221.237	271.898	100.253
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.882741	- Vữa XM mác 25	m ³	1.168.022	282.159	153.197
AE.882742	- Vữa XM mác 50	m ³	1.180.070	282.159	153.197
AE.882743	- Vữa XM mác 75	m ³	1.190.619	282.159	153.197
AE.882744	- Vữa XM mác 100	m ³	1.201.600	282.159	153.197
AE.882745	- Vữa XM mác 125	m ³	1.211.710	282.159	153.197
AE.882746	- Vữa XM mác 150	m ³	1.221.237	282.159	153.197

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Chiều dày 20cm				
	Chiều cao $\leq 6m$				
AE.882751	- Vữa XM mác 25	m ³	1.160.251	230.857	4.017
AE.882752	- Vữa XM mác 50	m ³	1.170.453	230.857	4.017
AE.882753	- Vữa XM mác 75	m ³	1.179.387	230.857	4.017
AE.882754	- Vữa XM mác 100	m ³	1.188.689	230.857	4.017
AE.882755	- Vữa XM mác 125	m ³	1.197.250	230.857	4.017
AE.882756	- Vữa XM mác 150	m ³	1.205.320	230.857	4.017
	Chiều cao $\leq 28m$				
AE.882761	- Vữa XM mác 25	m ³	1.160.251	248.813	50.210
AE.882762	- Vữa XM mác 50	m ³	1.170.453	248.813	50.210
AE.882763	- Vữa XM mác 75	m ³	1.179.387	248.813	50.210
AE.882764	- Vữa XM mác 100	m ³	1.188.689	248.813	50.210
AE.882765	- Vữa XM mác 125	m ³	1.197.250	248.813	50.210
AE.882766	- Vữa XM mác 150	m ³	1.205.320	248.813	50.210
	Chiều cao $\leq 100m$				
AE.882771	- Vữa XM mác 25	m ³	1.160.251	271.898	100.253
AE.882772	- Vữa XM mác 50	m ³	1.170.453	271.898	100.253
AE.882773	- Vữa XM mác 75	m ³	1.179.387	271.898	100.253
AE.882774	- Vữa XM mác 100	m ³	1.188.689	271.898	100.253
AE.882775	- Vữa XM mác 125	m ³	1.197.250	271.898	100.253
AE.882776	- Vữa XM mác 150	m ³	1.205.320	271.898	100.253
	Chiều cao $\leq 200m$				
AE.882781	- Vữa XM mác 25	m ³	1.160.251	282.159	153.197
AE.882782	- Vữa XM mác 50	m ³	1.170.453	282.159	153.197
AE.882783	- Vữa XM mác 75	m ³	1.179.387	282.159	153.197
AE.882784	- Vữa XM mác 100	m ³	1.188.689	282.159	153.197
AE.882785	- Vữa XM mác 125	m ³	1.197.250	282.159	153.197
AE.882786	- Vữa XM mác 150	m ³	1.205.320	282.159	153.197

AE.88310 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (7,5 x 30 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch bê tông khí chưng áp AAC 7,5x30x60cm				
	Chiều dày 7,5cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.883111	- Vữa XM mác 25	m ³	1.189.307	289.854	4.017
AE.883112	- Vữa XM mác 50	m ³	1.198.280	289.854	4.017
AE.883113	- Vữa XM mác 75	m ³	1.206.137	289.854	4.017
AE.883114	- Vữa XM mác 100	m ³	1.214.319	289.854	4.017
AE.883115	- Vữa XM mác 125	m ³	1.221.848	289.854	4.017
AE.883116	- Vữa XM mác 150	m ³	1.228.945	289.854	4.017
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.883121	- Vữa XM mác 25	m ³	1.189.307	318.070	50.210
AE.883122	- Vữa XM mác 50	m ³	1.198.280	318.070	50.210
AE.883123	- Vữa XM mác 75	m ³	1.206.137	318.070	50.210
AE.883124	- Vữa XM mác 100	m ³	1.214.319	318.070	50.210
AE.883125	- Vữa XM mác 125	m ³	1.221.848	318.070	50.210
AE.883126	- Vữa XM mác 150	m ³	1.228.945	318.070	50.210
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.883131	- Vữa XM mác 25	m ³	1.189.307	348.851	100.253
AE.883132	- Vữa XM mác 50	m ³	1.198.280	348.851	100.253
AE.883133	- Vữa XM mác 75	m ³	1.206.137	348.851	100.253
AE.883134	- Vữa XM mác 100	m ³	1.214.319	348.851	100.253
AE.883135	- Vữa XM mác 125	m ³	1.221.848	348.851	100.253
AE.883136	- Vữa XM mác 150	m ³	1.228.945	348.851	100.253
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.883141	- Vữa XM mác 25	m ³	1.189.307	364.241	153.197
AE.883142	- Vữa XM mác 50	m ³	1.198.280	364.241	153.197
AE.883143	- Vữa XM mác 75	m ³	1.206.137	364.241	153.197
AE.883144	- Vữa XM mác 100	m ³	1.214.319	364.241	153.197
AE.883145	- Vữa XM mác 125	m ³	1.221.848	364.241	153.197

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
AE.883146	- Vữa XM mác 150 Chiều dày 30cm Chiều cao $\leq 6m$	m ³	1.228.945	364.241	153.197
AE.883151	- Vữa XM mác 25	m ³	1.101.228	269.333	8.320
AE.883152	- Vữa XM mác 50	m ³	1.127.780	269.333	8.320
AE.883153	- Vữa XM mác 75	m ³	1.151.030	269.333	8.320
AE.883154	- Vữa XM mác 100	m ³	1.175.236	269.333	8.320
AE.883155	- Vữa XM mác 125	m ³	1.197.517	269.333	8.320
AE.883156	- Vữa XM mác 150 Chiều cao $\leq 28m$	m ³	1.218.516	269.333	8.320
AE.883161	- Vữa XM mác 25	m ³	1.101.228	289.854	54.513
AE.883162	- Vữa XM mác 50	m ³	1.127.780	289.854	54.513
AE.883163	- Vữa XM mác 75	m ³	1.151.030	289.854	54.513
AE.883164	- Vữa XM mác 100	m ³	1.175.236	289.854	54.513
AE.883165	- Vữa XM mác 125	m ³	1.197.517	289.854	54.513
AE.883166	- Vữa XM mác 150 Chiều cao $\leq 100m$	m ³	1.218.516	289.854	54.513
AE.883171	- Vữa XM mác 25	m ³	1.101.228	318.070	104.556
AE.883172	- Vữa XM mác 50	m ³	1.127.780	318.070	104.556
AE.883173	- Vữa XM mác 75	m ³	1.151.030	318.070	104.556
AE.883174	- Vữa XM mác 100	m ³	1.175.236	318.070	104.556
AE.883175	- Vữa XM mác 125	m ³	1.197.517	318.070	104.556
AE.883176	- Vữa XM mác 150 Chiều cao $\leq 200m$	m ³	1.218.516	318.070	104.556
AE.883181	- Vữa XM mác 25	m ³	1.101.228	330.895	157.501
AE.883182	- Vữa XM mác 50	m ³	1.127.780	330.895	157.501
AE.883183	- Vữa XM mác 75	m ³	1.151.030	330.895	157.501
AE.883184	- Vữa XM mác 100	m ³	1.175.236	330.895	157.501
AE.883185	- Vữa XM mác 125	m ³	1.197.517	330.895	157.501
AE.883186	- Vữa XM mác 150	m ³	1.218.516	330.895	157.501

AE.88320 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (10 x 30 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch bê tông khí chưng áp AAC 10x30x60cm				
	Chiều dày 10cm				
	Chiều cao ≤ 6m				
AE.883211	- Vừa XM mức 25	m ³	1.184.418	261.638	4.017
AE.883212	- Vừa XM mức 50	m ³	1.193.514	261.638	4.017
AE.883213	- Vừa XM mức 75	m ³	1.201.479	261.638	4.017
AE.883214	- Vừa XM mức 100	m ³	1.209.774	261.638	4.017
AE.883215	- Vừa XM mức 125	m ³	1.217.406	261.638	4.017
AE.883216	- Vừa XM mức 150	m ³	1.224.600	261.638	4.017
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.883221	- Vừa XM mức 25	m ³	1.184.418	284.724	50.210
AE.883222	- Vừa XM mức 50	m ³	1.193.514	284.724	50.210
AE.883223	- Vừa XM mức 75	m ³	1.201.479	284.724	50.210
AE.883224	- Vừa XM mức 100	m ³	1.209.774	284.724	50.210
AE.883225	- Vừa XM mức 125	m ³	1.217.406	284.724	50.210
AE.883226	- Vừa XM mức 150	m ³	1.224.600	284.724	50.210
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.883231	- Vừa XM mức 25	m ³	1.184.418	312.940	100.253
AE.883232	- Vừa XM mức 50	m ³	1.193.514	312.940	100.253
AE.883233	- Vừa XM mức 75	m ³	1.201.479	312.940	100.253
AE.883234	- Vừa XM mức 100	m ³	1.209.774	312.940	100.253
AE.883235	- Vừa XM mức 125	m ³	1.217.406	312.940	100.253
AE.883236	- Vừa XM mức 150	m ³	1.224.600	312.940	100.253
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.883241	- Vừa XM mức 25	m ³	1.184.418	325.765	153.197
AE.883242	- Vừa XM mức 50	m ³	1.193.514	325.765	153.197
AE.883243	- Vừa XM mức 75	m ³	1.201.479	325.765	153.197
AE.883244	- Vừa XM mức 100	m ³	1.209.774	325.765	153.197

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
AE.883245	- Vữa XM mác 125	m ³	1.217.406	325.765	153.197
AE.883246	- Vữa XM mác 150	m ³	1.224.600	325.765	153.197
	Chiều dày 30cm				
	Chiều cao $\leq 6m$				
AE.883251	- Vữa XM mác 25	m ³	1.125.527	251.378	6.886
AE.883252	- Vữa XM mác 50	m ³	1.146.301	251.378	6.886
AE.883253	- Vữa XM mác 75	m ³	1.164.492	251.378	6.886
AE.883254	- Vữa XM mác 100	m ³	1.183.432	251.378	6.886
AE.883255	- Vữa XM mác 125	m ³	1.200.863	251.378	6.886
AE.883256	- Vữa XM mác 150	m ³	1.217.293	251.378	6.886
	Chiều cao $\leq 28m$				
AE.883261	- Vữa XM mác 25	m ³	1.125.527	271.898	53.079
AE.883262	- Vữa XM mác 50	m ³	1.146.301	271.898	53.079
AE.883263	- Vữa XM mác 75	m ³	1.164.492	271.898	53.079
AE.883264	- Vữa XM mác 100	m ³	1.183.432	271.898	53.079
AE.883265	- Vữa XM mác 125	m ³	1.200.863	271.898	53.079
AE.883266	- Vữa XM mác 150	m ³	1.217.293	271.898	53.079
	Chiều cao $\leq 100m$				
AE.883271	- Vữa XM mác 25	m ³	1.125.527	300.114	103.122
AE.883272	- Vữa XM mác 50	m ³	1.146.301	300.114	103.122
AE.883273	- Vữa XM mác 75	m ³	1.164.492	300.114	103.122
AE.883274	- Vữa XM mác 100	m ³	1.183.432	300.114	103.122
AE.883275	- Vữa XM mác 125	m ³	1.200.863	300.114	103.122
AE.883276	- Vữa XM mác 150	m ³	1.217.293	300.114	103.122
	Chiều cao $\leq 200m$				
AE.883281	- Vữa XM mác 25	m ³	1.125.527	310.375	156.066
AE.883282	- Vữa XM mác 50	m ³	1.146.301	310.375	156.066
AE.883283	- Vữa XM mác 75	m ³	1.164.492	310.375	156.066
AE.883284	- Vữa XM mác 100	m ³	1.183.432	310.375	156.066
AE.883285	- Vữa XM mác 125	m ³	1.200.863	310.375	156.066
AE.883286	- Vữa XM mác 150	m ³	1.217.293	310.375	156.066

AE.88330 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (12,5 x 30 x 60)CMĐơn vị tính: đồng/1m³

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Xây tường thăng gạch bê tông khí chưng áp AAC 12,5x30x60cm Chiều dày 12,5cm Chiều cao ≤ 6m				
AE.883311	- Vữa XM mác 25	m ³	1.173.606	246.248	4.017
AE.883312	- Vữa XM mác 50	m ³	1.182.702	246.248	4.017
AE.883313	- Vữa XM mác 75	m ³	1.190.667	246.248	4.017
AE.883314	- Vữa XM mác 100	m ³	1.198.962	246.248	4.017
AE.883315	- Vữa XM mác 125	m ³	1.206.594	246.248	4.017
AE.883316	- Vữa XM mác 150	m ³	1.213.788	246.248	4.017
	Chiều cao ≤ 28m				
AE.883321	- Vữa XM mác 25	m ³	1.173.606	266.768	50.210
AE.883322	- Vữa XM mác 50	m ³	1.182.702	266.768	50.210
AE.883323	- Vữa XM mác 75	m ³	1.190.667	266.768	50.210
AE.883324	- Vữa XM mác 100	m ³	1.198.962	266.768	50.210
AE.883325	- Vữa XM mác 125	m ³	1.206.594	266.768	50.210
AE.883326	- Vữa XM mác 150	m ³	1.213.788	266.768	50.210
	Chiều cao ≤ 100m				
AE.883331	- Vữa XM mác 25	m ³	1.173.606	289.854	100.253
AE.883332	- Vữa XM mác 50	m ³	1.182.702	289.854	100.253
AE.883333	- Vữa XM mác 75	m ³	1.190.667	289.854	100.253
AE.883334	- Vữa XM mác 100	m ³	1.198.962	289.854	100.253
AE.883335	- Vữa XM mác 125	m ³	1.206.594	289.854	100.253
AE.883336	- Vữa XM mác 150	m ³	1.213.788	289.854	100.253
	Chiều cao ≤ 200m				
AE.883341	- Vữa XM mác 25	m ³	1.173.606	305.245	153.197
AE.883342	- Vữa XM mác 50	m ³	1.182.702	305.245	153.197
AE.883343	- Vữa XM mác 75	m ³	1.190.667	305.245	153.197
AE.883344	- Vữa XM mác 100	m ³	1.198.962	305.245	153.197
AE.883345	- Vữa XM mác 125	m ³	1.206.594	305.245	153.197
AE.883346	- Vữa XM mác 150	m ³	1.213.788	305.245	153.197

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Chiều dày 30cm				
	Chiều cao $\leq 6m$				
AE.883351	- Vữa XM mác 25	m ³	1.154.265	243.683	5.739
AE.883352	- Vữa XM mác 50	m ³	1.171.598	243.683	5.739
AE.883353	- Vữa XM mác 75	m ³	1.186.774	243.683	5.739
AE.883354	- Vữa XM mác 100	m ³	1.202.576	243.683	5.739
AE.883355	- Vữa XM mác 125	m ³	1.217.122	243.683	5.739
AE.883356	- Vữa XM mác 150	m ³	1.230.829	243.683	5.739
	Chiều cao $\leq 28m$				
AE.883361	- Vữa XM mác 25	m ³	1.154.265	264.203	51.931
AE.883362	- Vữa XM mác 50	m ³	1.171.598	264.203	51.931
AE.883363	- Vữa XM mác 75	m ³	1.186.774	264.203	51.931
AE.883364	- Vữa XM mác 100	m ³	1.202.576	264.203	51.931
AE.883365	- Vữa XM mác 125	m ³	1.217.122	264.203	51.931
AE.883366	- Vữa XM mác 150	m ³	1.230.829	264.203	51.931
	Chiều cao $\leq 100m$				
AE.883371	- Vữa XM mác 25	m ³	1.154.265	287.289	101.974
AE.883372	- Vữa XM mác 50	m ³	1.171.598	287.289	101.974
AE.883373	- Vữa XM mác 75	m ³	1.186.774	287.289	101.974
AE.883374	- Vữa XM mác 100	m ³	1.202.576	287.289	101.974
AE.883375	- Vữa XM mác 125	m ³	1.217.122	287.289	101.974
AE.883376	- Vữa XM mác 150	m ³	1.230.829	287.289	101.974
	Chiều cao $\leq 200m$				
AE.883381	- Vữa XM mác 25	m ³	1.154.265	300.114	154.919
AE.883382	- Vữa XM mác 50	m ³	1.171.598	300.114	154.919
AE.883383	- Vữa XM mác 75	m ³	1.186.774	300.114	154.919
AE.883384	- Vữa XM mác 100	m ³	1.202.576	300.114	154.919
AE.883385	- Vữa XM mác 125	m ³	1.217.122	300.114	154.919
AE.883386	- Vữa XM mác 150	m ³	1.230.829	300.114	154.919

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK XUẤT BẢN

Địa chỉ : Số 09 Lê Duẩn - TP. Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại : 080.50557 - 080.50584

Fax : 080.50554

E-mail: congbao@daklak.gov.vn

Website: <http://congbao.daklak.gov.vn>

In tại:

Giá: đồng